

10 ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK1 MÔN SINH 11 NĂM 2019-2020

1. Đề kiểm tra giữa HK1 Sinh 11 số 1

SỞ GD & ĐT KIÊN GIANG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

TRƯỜNG THPT HUỖNH MÃN ĐẠT

MÔN SINH HỌC 11

NĂM HỌC: 2019-2020

Thời gian làm bài 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Hãy khoanh tròn câu trả lời đúng nhất

Câu 1. Nước và ion khoáng được hấp thụ vào mạch gỗ của rễ qua con đường nào?

- A. Con đường qua thành tế bào - không bào.
- B. Con đường qua chất nguyên sinh – gian bào.
- C. Con đường qua không bào – gian bào.
- D. Con đường qua chất nguyên sinh – không bào.

Câu 2. Phát biểu đúng về mối quan hệ giữa trao đổi chất trong tế bào với trao đổi chất của cơ thể:

- A. Chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào là cơ sở cho sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.
- B. Chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào không liên quan đến sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.
- C. Sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường là cơ sở cho chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào.
- D. Chỉ có trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường là quyết định sự tồn tại của sinh vật.

Câu 3. Sản phẩm của pha sáng gồm

- A. ADP, NADPH, O₂.
- B. ATP, NADPH, O₂.
- C. Cacbohidrat, CO₂.
- D. ATP, NADPH.

Câu 4. Lông hút rất dễ gãy và sẽ tiêu biến ở môi trường

D. biến N_2 trong không khí thành đạm dễ tiêu trong đất nhờ tác động của con người.

Câu 10. Xác định thực vật phải trải qua quá trình biến đổi nào cây mới sử dụng được nguồn nitơ?

- A. Quá trình nitrat hóa và phản nitrat hóa.
- B. Quá trình amôn hóa và phản nitrat hóa.
- C. Quá trình amôn hóa và nitrat hóa.
- D. Quá trình cố định đạm.

Câu 11. Sắc tố nào sau đây thuộc nhóm sắc tố phụ?

- A. Diệp lục a và diệp lục b.
- B. Diệp lục a và carôten.
- C. Carôten và xantôphyl.
- D. Diệp lục và carôtenôit

Câu 12. Hệ sắc tố quang hợp phân bố ở

- A. chất nền strôma.
- B. màng tilacôit.
- C. xoang tilacôit.
- D. ti thể.

Câu 13. Các sắc tố quang hợp hấp thụ năng lượng ánh sáng và truyền cho nhau theo sơ đồ nào sau đây là đúng?

- A. Carôtenôit → Diệp lục b → Diệp lục a → Diệp lục a trung tâm phản ứng.
- B. Carôtenôit → Diệp lục a → Diệp lục b → Diệp lục b trung tâm phản ứng.
- C. Diệp lục b → Carôtenôit → Diệp lục a → Diệp lục a trung tâm phản ứng.
- D. Diệp lục a → Diệp lục b → Carôtenôit → Carôtenôit trung tâm phản ứng.

Câu 14. Chất nhận CO_2 đầu tiên ở nhóm thực vật C_3 là:

- A. ribulôzơ-1, 5 đip.
- B. APG.
- C. AIPG.
- D. PEP.

Câu 15. Người ta phân biệt các nhóm thực vật C_3 , C_4 , CAM chủ yếu dựa vào

- A. có hiện tượng hô hấp sáng hay không có hiện tượng này.
- B. sản phẩm cố định CO_2 đầu tiên là loại đường có mấy cacbon.
- C. sự khác nhau về cấu tạo mô giậu của lá.

- A. Nhiệt độ tăng đến nhiệt độ tối ưu thì cường độ hô hấp tăng (do tốc độ các phản ứng enzym tăng).
- B. Cường độ hô hấp tỉ lệ thuận với hàm lượng nước.
- C. Cường độ hô hấp tỉ lệ nghịch với nồng độ CO_2 .
- D. Cường độ hô hấp tỉ lệ nghịch với nồng độ O_2 .

Câu 24. Để trẻ em hấp thụ tốt vitamin A, trong khẩu phần ăn ngoài các loại thực phẩm có màu đỏ, cam, vàng còn có thêm một lượng vừa phải của chất nào sau đây?

- A. Dầu ăn. B. Cồn 90° . C. Nước. D. Benzen hoặc axêton.

Câu 25. Để tách chiết sắc tố quang hợp người ta thường dùng hóa chất nào sau đây?

- A. Cồn 90° hoặc benzen. B. Cồn 90° hoặc NaCl.
- C. Nước và Axêton. D. Cồn 90° hoặc benzen hoặc axêton.

Câu 26. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây sẽ làm cây héo rũ và chết khi ta bón phân cho cây quá liều lượng?

- A. Phân bón làm cây nóng quá nên cháy lá, khô thân.
- B. Phân bón làm cây quá thừa dinh dưỡng gây ngộ độc.
- C. Phân bón tạo ra áp suất thẩm thấu ngoài đất quá cao.
- D. Phân bón làm đen rễ và thối rễ cái lẫn rễ con.

Câu 27. Lực chủ yếu vận chuyển nước từ thân lên lá đó là:

- A. Lực hút của lá qua quá trình thoát hơi nước.
- B. Áp suất rễ được hình thành qua quá trình hút nước của rễ
- C. Lực liên kết giữa các phân tử nước và giữa nước với thành mạch.
- D. Cơ chế thẩm thấu được hình thành do sự chênh lệch nồng độ.

Câu 28. Thực vật hấp thụ ni tơ ở dạng nào?

- A. Ni tơ phân tử B. Dạng ion NH_4^- và NO_3^+
- C. Dạng ion NH_4^+ và NO_3^- D. Dạng NH_4 và NO_3

Câu 29. Lợi thế của thực vật C4:

- A. cần ít lượng tử ánh sáng để cố định CO_2
- B. xảy ra ở điều kiện nồng độ CO_2 thấp hơn so với thực vật C3

- C. sử dụng nước một cách kinh tế hơn thực vật C_3
- D. sử dụng ít ATP hơn trong pha tối so với thực vật C_3

Câu 30. Chu trình Calvin -Benson không phụ thuộc trực tiếp vào ánh sáng, nhưng không xảy ra vào ban đêm, vì sao?

- A. Vì ban đêm nhiệt độ thấp không thích hợp với các phản ứng hoá học
- B. Vì nồng độ CO_2 thường giảm vào ban đêm
- C. Vì chu trình Calvin -Benson phụ thuộc vào các sản phẩm của pha sáng
- D. Vì thực vật thường mở khí khổng vào ban đêm

Câu 31. Pha sáng của quang hợp sẽ cung cấp cho pha tối:

- A. năng lượng ánh sáng
- B. CO_2
- C. H_2O
- D. ATP và NADPH

Câu 32. Hô hấp sáng:

- A. Chỉ xảy ra ở thực vật C_4
- B. Bao gồm các phản ứng xảy ra ở ti thể
- C. Làm tăng sản phẩm quang hợp
- D. Phụ thuộc vào cường độ ánh sáng và nồng độ CO_2

Câu 33. Con đường trao đổi chất nào chung cho quá trình lên men và hô hấp hiếu khí:

- A. Chu trình Creps
- B. Chuỗi truyền điện tử
- C. Đường phân
- D. Tổng hợp Acetyl – CoA từ pyruvat

Câu 34. Tiêu hóa nội bào là quá trình tiêu hoá diễn ra:

- A. Bên ngoài tế bào
- B. Bên trong tế bào
- C. Bên ngoài cơ thể
- D. Bên trong cơ thể

Câu 35. Chức năng của dạ múi khế ở động vật nhai lại là:

- A. Chứa thức ăn, tiêu hoá sinh học nhờ các vi sinh vật
- B. Tiêu hoá hoá học nhờ nước bọt
- C. Tiêu hoá hoá học nhờ nước bọt, hấp thu bớt nước
- D. Tiết ra pepsin và HCl tiêu hoá protein

Câu 36. Loài động vật nào sau đây có cơ quan trao đổi khí hiệu quả nhất?

- A. Mép (Vách) trong của tế bào dày, mép ngoài mỏng.
- B. Mép (Vách) trong và mép ngoài của tế bào đều rất mỏng.
- C. Mép (Vách) trong của tế bào rất mỏng, mép ngoài dày.
- D. Mép (Vách) trong và mép ngoài của tế bào đều rất dày.

Câu 2: Khái niệm quang hợp nào dưới đây là đúng?

- A. Quang hợp là quá trình mà thực vật sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời đã được diệp lục hấp thụ để tổng hợp cacbonhidrat (đường glucôzơ) và giải phóng O_2 từ chất vô cơ (CO_2 và H_2O).
- B. Quang hợp là quá trình mà thực vật có hoa sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất hữu cơ (đường glucôzơ) từ chất vô cơ (CO_2 và H_2O).
- C. Quang hợp là quá trình mà thực vật sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất hữu cơ (đường galactôzơ) từ chất vô cơ (CO_2 và H_2O).
- D. Quang hợp là quá trình mà thực vật sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất hữu cơ (đường glucôzơ) từ chất vô cơ (chất khoáng và nước).

Câu 3: Các nguyên tố đại lượng (Đa) gồm:

- A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Cu.
- B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.
- C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn.
- D. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe.

Câu 4: Đặc điểm hoạt động của khí khổng ở thực vật CAM là:

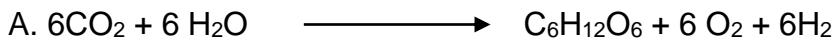
- A. Chỉ đóng vào giữa trưa.
- B. Đóng vào ban ngày và mở ra ban đêm.
- C. Chỉ mở ra khi hoàng hôn.
- D. Đóng vào ban đêm và mở ra ban ngày.

Câu 5: Sự giống nhau về bản chất giữa con đường CAM và con đường C_4 là:

- A. chất nhận CO_2 là PEP.
- B. sản phẩm ổn định đầu tiên là AOA, axit malic; chất nhận CO_2 là PEP; gồm chu trình C_4 và chu trình CanVin
- C. sản phẩm ổn định đầu tiên là AOA, axit malic
- D. gồm chu trình C_4 và chu trình CanVin

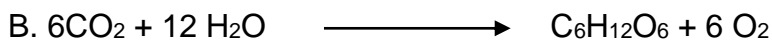
Câu 6: Phương trình tổng quát của quá trình quang hợp là:

Năng lượng ánh sáng



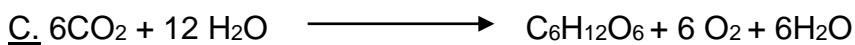
Hệ sắc tố

Năng lượng ánh sáng



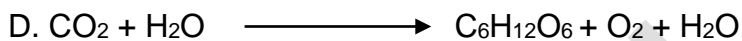
Hệ sắc tố

Năng lượng ánh sáng



Hệ sắc tố

Năng lượng ánh sáng



Hệ sắc tố

Câu 7: Vì sao lá cây có màu xanh lục?

- A. Vì hệ sắc tố không hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.
- B. Vì diệp lục a hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.
- C. Vì nhóm sắc tố phụ (carotênôit) hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.
- D. Vì diệp lục b hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.

Câu 8: Những cây thuộc nhóm thực vật C_3 là:

- A. Ngô, mía, cỏ lồng vực, cỏ gấu.
- B. Dứa, xương rồng, thuốc bỏng.
- C. Lúa, khoai, sắn, đậu.
- D. Rau dền, kê, các loại rau.

Câu 9: Động lực đẩy dòng mạch rây đi từ lá xuống rễ và đến các cơ quan khác là:

- A. Sự chênh lệch về áp suất thẩm thấu giữa cơ quan nguồn (lá) và cơ quan chứa (rễ, hạt quả,...).
- B. Lực đẩy của cây và lực hút của trái đất.
- C. Lực đẩy của cây và lực liên kết tạo nên.

D. Lực hút và lực liên kết tạo nên.

Câu 10: Oxy thải ra trong quá trình quang hợp có nguồn gốc từ đâu?

- A. Trong quá trình quang phân ly nước B. Trong quá trình thủy phân nước.
C. Tham gia truyền electron cho các chất khác. D. Trong giai đoạn cố định CO₂.

Câu 11: Nhóm thực vật C₃ được phân bố như thế nào?

- A. Sống ở vùng nhiệt đới.
B. Chỉ sống ở vùng ôn đới và á nhiệt đới.
C. Phân bố rộng rãi trên thế giới, chủ yếu ở vùng ôn đới và nhiệt đới.
D. Sống ở vùng sa mạc.

Câu 12: Con đường thoát hơi nước qua khí khổng có đặc điểm là:

- A. Vận tốc nhỏ, không được điều chỉnh.
B. Vận tốc nhỏ, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
C. Vận tốc lớn, không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
D. Vận tốc lớn, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

Câu 13: Lực nào sau đây đóng vai trò chính giúp cây có khả năng vận chuyển nước và các chất khoáng từ rễ lên ngọn cao tới hàng chục mét.

- A. Thoát hơi nước của lá.
B. Liên kết của các phân tử nước với nhau và với thành mạch.
C. Áp suất thẩm thấu của rễ.
D. Thoát hơi nước của lá, áp suất thẩm thấu của rễ và lực liên kết các phân tử nước với nhau và với thành mạch.

Câu 14: Chất được tách ra khỏi chu trình canvin để khởi đầu cho tổng hợp glucôzơ là:

- A. AM (axit malic). B. AIPG (andêhit photphoglixêric).
C. RiDP (ribulôzơ - 1,5 – điphôphat). D. APG (axit photphoglixêric).

Câu 15: Khái niệm pha sáng nào dưới đây của quá trình quang hợp là đầy đủ nhất?

- A. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong NADPH.
- B. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được chuyển thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP.
- C. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP.
- D. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP và NADPH.

Câu 16: Ở thực vật thủy sinh cơ quan hấp thụ nước và khoáng là:

- A. Rễ B. Rễ, thân, lá. C. Thân D. Lá

Câu 17: Trật tự các giai đoạn trong chu trình canvin là:

- A. Cố định CO_2 → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôphat) → khử APG thành ALPG.
- B. Khử APG thành ALPG → cố định CO_2 → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôphat).
- C. Cố định CO_2 → khử APG thành ALPG → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôphat)
- D. Khử APG thành ALPG → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôphat) → cố định CO_2 .

Câu 18: Sự hút khoáng thụ động của tế bào phụ thuộc vào

- A. Cung cấp năng lượng B. Hoạt động trao đổi chất
- C. Chênh lệch nồng độ ion D. Hoạt động thẩm thấu

Câu 19: Sự thoát hơi nước qua lá có ý nghĩa gì đối với cây?

- A. Làm cho cây dịu mát không bị đốt cháy dưới ánh mặt trời và tạo ra sức hút để vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá.
- B. Làm cho cây dịu mát không bị đốt cháy dưới ánh mặt trời.
- C. Tạo ra sức hút để vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá.
- D. Làm cho không khí ẩm và dịu mát nhất là trong những ngày nắng nóng.

Câu 20: Ý nghĩa nào dưới đây không phải là nguồn chính cung cấp dạng nitơ nitrat và nitơ amôn?

- A. Nguồn nitơ do con người trả lại cho đất sau mỗi vụ thu hoạch bằng phân bón.

B. Nguồn nitơ trong nham thạch do núi lửa phun.

C. Sự phóng điện trong cơn giông đã oxy hoá N_2 thành nitơ dạng nitrat.

D. Quá trình cố định nitơ bởi các nhóm vi khuẩn tự do và cộng sinh, cùng với quá trình phân giải các nguồn nitơ hữu cơ trong đất được thực hiện bởi các vi khuẩn đất.

Câu 21: Phát biểu nào sau đây sai?

I. Khi nồng độ ôxi trong đất giảm thì khả năng hút nước của cây sẽ giảm.

II. Khi sự chênh lệch giữa nồng độ dung dịch đất và dịch của tế bào rễ thấp, thì khả năng hút nước của cây sẽ yếu.

III. Khả năng hút nước của cây không phụ thuộc vào lực giữ nước của đất

IV. Bón phân hữu cơ góp phần chống hạn cho cây

A. III, IV

B. III

C. II

D. I, III

Câu 22: Ý nào dưới đây không đúng với ưu điểm của thực vật C_4 so với thực vật C_3 ?

A. Năng suất cao hơn.

B. Cường độ quang hợp cao hơn.

C. Nhu cầu nước thấp hơn, thoát hơi nước ít hơn.

D. Thích nghi với những điều kiện khí hậu bình thường.

Câu 23: Quá trình hấp thụ chủ động các ion khoáng, cần sự góp phần của yếu tố nào?

I. Năng lượng là ATP

II. Tính thấm chọn lọc của màng sinh chất

III. Các bào quan là lưới nội chất và bộ máy Gôngi

IV. Enzim hoạt tải (chất mang)

A. I, IV

B. I, III, IV

C. I, II, IV

D. II, IV

Câu 24: Sự khác nhau cơ bản giữa cơ chế hấp thụ nước với cơ chế hấp thụ ion khoáng ở rễ cây là:

A. Nước và các ion khoáng đều được đưa vào rễ cây theo cơ chế chủ động và thụ động.

B. Nước và ion khoáng đều được đưa vào rễ cây theo cơ chế thụ động.

C. Nước được hấp thụ vào rễ cây theo cơ chế thụ động (cơ chế thẩm thấu) còn các ion khoáng di chuyển từ đất vào tế bào rễ một cách có chọn lọc theo 2 cơ chế: thụ động và chủ động.

D. Nước được hấp thụ vào rễ cây theo cơ chế chủ động và thụ động còn các ion khoáng di chuyển từ đất vào tế bào rễ theo cơ chế thụ động.

Câu 25: Vai trò của quá trình cố định nitơ phân tử bằng con đường sinh học đối với sự dinh dưỡng nitơ của thực vật:

I. Biến nitơ phân tử (N_2) sẵn có trong khí quyển (ở dạng trơ thành dạng nitơ khoáng NH_3 (cây dễ dàng hấp thụ)

II. Xảy ra trong điều kiện bình thường ở hầu khắp mọi nơi trên trái đất.

III. Lượng nitơ bị mất hàng năm do cây lấy đi luôn được bù đắp lại đảm bảo nguồn cấp dinh dưỡng nitơ bình thường cho cây.

IV. Nhờ có enzym nitrôgenara, vi sinh vật cố định nitơ có khả năng liên kết nitơ phân tử với hydro thành NH_3

V. Cây hấp thụ trực tiếp nitơ vô cơ ở dạng amoni hoặc nitrat và nitơ hữu cơ nhờ vi sinh vật

A. I, II, III, IV.

B. II, IV, V.

C. II, III, V.

D. I, III, IV, V.

Câu 26: Sắc tố nào tham gia trực tiếp chuyển hóa năng lượng mặt trời thành ATP, NADPH trong quang hợp?

A. Diệp lục a, b

B. Diệp lục b

C. Diệp lục a, b và carôtenôit.

D. Diệp lục a

Câu 27: Điền thuật ngữ phù hợp vào câu sau đây:

Nitơ tham gia (1)..... các quá trình trao đổi chất trong (2)..... thông qua hoạt động (3)....., cung cấp năng lượng và điều tiết trạng thái ngậm nước của các phân tử (4)..... trong tế bào chất.

I. Điều tiết

II. Cơ thể thực vật

III. Xúc tác.

IV. Prôtêin

Tổ hợp đáp án chọn đúng là:

A. 1-I, 2-II, 3-III, 4-IV

B. 1-I, 2-IV, 3-III, 4-II

C. 1-IV, 2-III, 3-I, 4-II

D. 1-II, 2-I, 3-III, 4-IV

Câu 28: Diễn biến nào dưới đây không có trong pha sáng của quá trình quang hợp?

- A. Sự biến đổi trạng thái của diệp lục (từ dạng bình thường sang dạng kích thích).
- B. Quá trình quang phân li nước.
- C. Quá trình tạo ATP, NADPH và giải phóng ôxy.
- D. Quá trình khử CO_2

-II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Vì sao thiếu nitơ trong môi trường dinh dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của thực vật? Trình bày vai trò của quá trình cố định nitơ phân tử bằng con đường sinh học?

Câu 2: Trình bày các con đường hấp thụ nước và muối khoáng ở rễ, đặc điểm của chúng. Vai trò của vòng đai Caspari ?

ĐÁP ÁN

Câu 1: Vì sao thiếu nitơ trong môi trường dinh dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của thực vật? Trình bày vai trò của quá trình cố định nitơ phân tử bằng con đường sinh học?

Hướng dẫn:

- Thiếu nitơ trong môi trường dinh dưỡng, thực vật sẽ sinh trưởng, phát triển kém rồi chết (1điểm) là do nitơ là một nguyên tố dinh dưỡng khoáng thiết yếu đối với tất cả các loài thực vật có vai trò quan trọng như:

+ Vai trò cấu trúc: Nitơ là thành phần của hầu hết các hợp chất trong cây (prôtêin, axit nuclêic...) cấu tạo nên tế bào, cơ thể.

+ Vai trò điều tiết: Tham gia thành phần của các enzym, hoocmôn...→ điều tiết các quá trình sinh lí, hoá sinh trong tế bào, cơ thể.

- Vai trò của quá trình cố định nitơ phân tử bằng con đường sinh học (1 điểm)

+ N_2 phân tử trong khí quyển chiếm khoảng 80% nhưng cây không hấp thu được. Rễ cây chỉ hấp thụ nitơ khoáng ở dạng NH_4^+ và NO_3^- do vậy mà ở dạng khoáng này trong đất ngày càng giảm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của thực vật.

+ Nhờ các nhóm vi khuẩn sống tự do (Cyanobacteria, Azotobacter – trong ruộng lúa, Anabaena...) và vi khuẩn cộng sinh (Rhizobium – cộng sinh ở nốt sần cây họ đậu, Anabaena azollae – cộng sinh ở bèo hoa dâu ...) tiết enzym nitrogenaza biến đổi nitơ phân tử sẵn có trong khí quyển ở điều kiện thường(trong điều kiện kỵ khí và có ATP và các lực khử mạnh)

thành NH_3 từ đây sẽ hình thành nên $\rightarrow \text{NH}_4^+$, NO_3^- cây dễ dàng hấp thụ theo sơ đồ: $\text{N}\equiv\text{N} \xrightarrow{2\text{H}} \text{NH}=\text{NH} \xrightarrow{2\text{H}} \text{NH}_2-\text{NH}_2 \xrightarrow{2\text{H}} \text{NH}_3 \xrightarrow{\text{H}_2\text{O}} \text{NH}_4^+$.

Như vậy, nhờ có quá trình cố định nitơ phân tử bằng con đường sinh học mà lượng nitơ bị mất hàng năm do cây lấy đi luôn được bù đắp lại đảm bảo nguồn cung cấp dinh dưỡng nitơ bình thường của cây.

Câu 2: Trình bày các con đường hấp thụ nước và muối khoáng ở rễ. Vai trò của vòng đai Caspari?

Hướng dẫn:

- Nước và muối khoáng được hấp thụ vào rễ theo 2 con đường:

+ Con đường gian bào - thành TB:

H_2O và ion khoáng từ đất \rightarrow TB lông hút \rightarrow không gian giữa các bó sợi của các tế bào vỏ rễ $\xrightarrow{\text{đai Caspari}}$ H_2O và ion khoáng đổ vào TBC của các tế bào nội bì \rightarrow mạch gỗ rễ.

+ Con đường tế bào chất:

H_2O và một số ion khoáng từ đất \rightarrow TB lông hút \rightarrow xuyên qua TBC của các tế bào vỏ rễ \rightarrow TBC của các tế bào nội bì \rightarrow mạch gỗ rễ.

- Vai trò vòng đai Caspari:

Đai này nằm ở phần nội bì của rễ, vai trò điều chỉnh lượng nước và kiểm soát các chất đi vào trung trụ.

3. Đề kiểm tra giữa HK1 Sinh 11 số 3

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN LINH

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I, NĂM HỌC: 2019-2020

MÔN: SINH HỌC 11-CB

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Trình bày cơ chế hấp thụ nước và ion khoáng từ đất vào tế bào lông hút.

Câu 2: Ở lá có những con đường thoát hơi nước nào? Trình bày cơ chế của con đường thoát hơi nước là chủ yếu?

Câu 3: Vai trò của nitơ đối với thực vật.

Câu 4: Trình bày khái quát về quang hợp (khái niệm, PTTQ).

ĐÁP ÁN

Câu 1:

Hấp thụ nước và các ion khoáng từ đất vào tế bào lông hút

a. Hấp thụ nước

- Nước được hấp thụ liên tục từ đất vào tế bào lông hút theo cơ chế thụ động (thẩm thấu): đi từ môi trường nhược trương vào môi trường ưu trương trong tế bào lông hút cây nhờ sự chênh lệch áp suất thẩm thấu.

b. Hấp thụ muối khoáng

- Các ion khoáng xâm nhập vào tế bào rễ cây một cách chọn lọc theo 2 cơ chế:

+ Thụ động: Cơ chế khuếch tán từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp.

+ Chủ động: Di chuyển ngược chiều gradien nồng độ và cần năng lượng.

Câu 2:

Hai con đường thoát hơi nước: qua khí khổng và qua cutin.

- **Con đường qua khí khổng** (chủ yếu):

+ Khi no nước, vách mỏng của tế bào khí khổng căng ra → vách dày cong theo → lỗ khí mở ra.

+ Khi mất nước, vách mỏng hết căng → vách dày duỗi → lỗ khí đóng.

- **Con đường qua cutin:** Hơi nước từ các khoảng gian bào của thịt lá qua lớp cutin để ra ngoài.

Câu 3:

- **Vai trò chung:** Nitơ cần cho sự sinh trưởng và phát triển của cây.

- **Vai trò cấu trúc:** Nitơ là thành phần của prôtêin, enzym, côenzim axit nucleic, diệp lục, ATP... trong cơ thể thực vật.

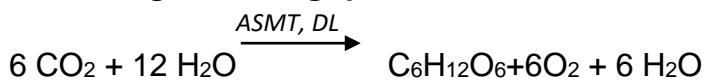
- **Vai trò điều tiết:** Nitơ tham gia điều tiết các quá trình trao đổi chất trong cơ thể thực vật, cung cấp năng lượng và điều tiết trạng thái ngậm nước của các phân tử prôtêin trong tế bào chất.

Câu 4:

A. Khái niệm quang hợp

- Quang hợp là quá trình sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời đã được diệp lục hấp thụ để tạo ra cacbonhidrat và oxy từ khí cacbonic và H₂O.

B. Phương trình tổng quát



4. Đề kiểm tra giữa HK1 Sinh 11 số 4

TRƯỜNG THPT LÊ TRUNG KIÊN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK1

MÔN: SINH HỌC 11-CB

NĂM HỌC: 2019-2020

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Dòng nước và ion khoáng từ đất vào mạch gỗ của rễ đi như thế nào?

Câu 2: Nêu vai trò của quá trình thoát hơi nước ở lá?

Câu 3: Các dạng nitơ có trong đất và các dạng nitơ mà cây hấp thụ trực tiếp được? Quá trình chuyển hóa nitơ trong đất được thực hiện như thế nào?

Câu 4: Mô tả cấu tạo bào quan thực hiện quang hợp (có hình vẽ).

ĐÁP ÁN

Câu 1:

Dòng nước và các ion khoáng đi từ lông hút vào mạch gỗ của rễ:

- Theo 2 con đường:

+ Con đường gian bào: Từ lông hút → khoảng không gian giữa các tế bào và khoảng không gian giữa các bó sợi xenlulôzơ bên trong thành tế bào → mạch gỗ.

+ Ở con đường này, khi dòng nước và ion khoáng đến lớp nội bì sẽ bị đai Caspari chặn lại nên phải chuyển sang con đường tế bào chất. Đai Caspari điều chỉnh dòng vận chuyển vào trung trụ.

+ Con đường tế bào chất: Từ lông hút → tế bào sống → mạch gỗ.

Câu 2:

Vai trò của quá trình thoát hơi nước ở lá:

- Thoát hơi nước tạo lực hút đầu trên của dòng mạch gỗ.
- Thoát hơi nước làm khí khổng mở, cho CO₂ khuếch tán vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.
- Thoát hơi nước làm giảm nhiệt độ bề mặt lá.

Câu 3:

- Nitơ trong đất tồn tại ở 2 dạng:

- + Nitơ khoáng (NO₃⁻ và NH₄⁺) - cây hấp thụ trực tiếp.
- + Nitơ hữu cơ (xác sinh vật) - cây không hấp thụ trực tiếp được, nhờ vi sinh vật đất khoáng hóa thành NO₃⁻ và NH₄⁺.

- Quá trình chuyển hóa nitơ trong đất:

Gồm 2 quá trình:

+ Quá trình amôn hóa:

Nitơ hữu cơ $\xrightarrow{\text{VK amôn hóa}}$ NH₄⁺

+ Quá trình nitrat hóa:

NH₄⁺ $\xrightarrow{\text{Nitrôsonas}}$ NO₂ $\xrightarrow{\text{Nitrôbacter}}$ NO₃

Câu 4:**- Cấu tạo của lục lạp (bào quan quang hợp)**

- Màng tilacoit là nơi phân bố hệ sắc tố quang hợp, nơi xảy ra các phản ứng sáng.
- Xoang tilacoit là nơi xảy ra các phản ứng quang phân li nước và quá trình tổng hợp ATP trong quang hợp.
- Chất nền (strôma) là nơi xảy ra các phản ứng tối.

- Hình vẽ:**5. Đề kiểm tra giữa HK1 Sinh 11 số 5****TRƯỜNG THCS YÊN DŨNG****KIỂM TRA GIỮA HK1***Năm học: 2019 – 2020***Môn: Sinh học - Lớp 11***Thời gian: 45 phút (cả thời gian phát đề)***Câu 41:** Sự biểu hiện triệu chứng thiếu Kali của cây là:

- A. Lá nhỏ có màu lục đậm, màu của thân không bình thường, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.
- B. Lá mới có màu vàng, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.
- C. Sinh trưởng bị còi cọc, lá có màu vàng.
- D. Lá màu vàng nhạt, mép lá màu đỏ và có nhiều chấm đỏ trên mặt lá.

Câu 42: Sự biểu hiện triệu chứng thiếu sắt của cây là:

- A. Gân lá có màu vàng và sau đó cả lá có màu vàng.
- B. Lá nhỏ có màu vàng.
- C. Lá non có màu lục đậm không bình thường.
- D. Lá nhỏ, mềm, mầm đỉnh bị chết.

Câu 43: Sự biểu hiện triệu chứng thiếu đồng của cây là:

- A. Lá non có màu lục đậm không bình thường.

- B. Lá nhỏ, mềm, mầm đỉnh bị chết.
- C. Lá nhỏ có màu vàng.
- D. Gân lá có màu vàng và sau đó cả lá có màu vàng.

Câu 44: Vai trò của kali đối với thực vật là:

- A. Thành phần của prôtêin và axit nuclêic.
- B. Chủ yếu giữ cân bằng nước và ion trong tế bào, hoạt hoá enzym, mở khí khổng.
- C. Thành phần của axit nuclêôtit, ATP, photpholipit, cöenzim; cần cho nở hoa, đậu quả, phát triển rễ.
- D. Thành phần của thành tế bào, màng tế bào, hoạt hoá enzym.

Câu 45: Sự biểu hiện triệu chứng thiếu clo của cây là:

- A. Gân lá có màu vàng và sau đó cả lá có màu vàng.
- B. Lá nhỏ, mềm, mầm đỉnh bị chết.
- C. Lá nhỏ có màu vàng.
- D. Lá non có màu lục đậm không bình thường.

Câu 46: Thông thường độ pH trong đất khoảng bao nhiêu là phù hợp cho việc hấp thụ tốt phần lớn các chất?

- A. 7 – 7,5 B. 6 – 6,5 C. 5 – 5,5 D. 4 – 4,5.

Câu 47: Sự biểu hiện triệu chứng thiếu canxi của cây là:

- A. Lá non có màu lục đậm không bình thường.
- B. Lá nhỏ, mềm, mầm đỉnh bị chết.
- C. Gân lá có màu vàng và sau đó cả lá có màu vàng.
- D. Lá nhỏ có màu vàng.

Câu 48: Vai trò chủ yếu của Mg đối với thực vật là:

- A. Chủ yếu giữ cân bằng nước và ion trong tế bào, hoạt hoá enzym, mở khí khổng.
- B. Thành phần của axit nuclêôtit, ATP, photpholipit, cöenzim; cần cho nở hoa, đậu quả, phát triển rễ.

C. Thành phần của thành tế bào, màng tế bào, hoạt hoá enzym.

D. Thành phần của diệp lục, hoạt hoá enzym.

Câu 49: Sự biểu hiện của triệu chứng thiếu lưu huỳnh của cây là:

A. Lá nhỏ có màu lục đậm, màu của thân không bình thường, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.

B. Lá mới có màu vàng, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.

C. Lá màu vàng nhạt, mép lá màu đỏ và có nhiều chấm đỏ trên mặt lá.

D. Sinh trưởng bị còi cọc, lá có màu vàng.

Câu 50: Vai trò của clo đối với thực vật:

A. Thành phần của thành tế bào, màng tế bào, hoạt hoá enzym.

B. Thành phần của axit nucleotit, ATP, photpholipit, côenzim; cần cho nở hoa, đậu quả, phát triển rễ.

C. Duy trì cân bằng ion, tham gia trong quang hợp (quang phân li nước).

D. Thành phần của diệp lục, hoạt hoá enzym.

Câu 51: Dung dịch bón phân qua lá phải có:

A. Nồng độ các muối khoáng thấp và chỉ bón khi trời không mưa.

B. Nồng độ các muối khoáng thấp và chỉ bón khi trời mưa bụi

C. Nồng độ các muối khoáng cao và chỉ bón khi trời không mưa.

D. Nồng độ các muối khoáng cao và chỉ bón khi trời mưa bụi.

Câu 52: Điều kiện nào dưới đây không đúng để quá trình cố định nitơ trong khí quyển xảy ra?

A. Có các lực khử mạnh.

B. Được cung cấp ATP.

C. Có sự tham gia của enzym nitrôgenaza

D. Thực hiện trong điều kiện hiếu khí.

Câu 53: Vai trò của canxi đối với thực vật là:

A. Thành phần của axit nucleic, ATP, photpholipit, côenzim; cần cho sự nở hoa, đậu quả, phát triển rễ.

- B. Thành phần của thành tế bào, màng tế bào, hoạt hoá enzym.
- C. Chủ yếu giữ cân bằng nước và ion trong tế bào, hoạt hoá enzym, mở khí khổng.

Câu 54: Vai trò của sắt đối với thực vật là:

- A. Thành phần của xitôcrôm, tổng hợp diệp lục, hoạt hoá enzym.
- B. Duy trì cân bằng ion, tham gia quang hợp (quang phân li nước)
- C. Thành phần của axit nuclêic, ATP, photpholipit, côenzim; cần cho sự nở hoa, đậu quả, phát triển rễ.
- D. Thành phần của diệp lục, hoạt hoá enzym.

Câu 55: Quá trình khử nitrat diễn ra theo sơ đồ:

- A. $NO_2^- \rightarrow NO_3^- \rightarrow NH_4^-$
- B. $NO_3^- \rightarrow NO_2^- \rightarrow NH_3$
- C. $NO_3^- \rightarrow NO_2^- \rightarrow NH_4^-$
- D. $NO_3^- \rightarrow NO_2^- \rightarrow NH_2$

Câu 56: Thực vật chỉ hấp thu được dạng nitơ trong đất bằng hệ rễ là:

- A. Dạng nitơ tự do trong khí quyển (N_2).
- B. Nitơ nitrat (NO_3^+), nitơ amôn (NH_4^+).
- C. Nitơ nitrat (NO_3^+).
- D. Nitơ amôn (NH_4^+).

Câu 57: Sự biểu hiện triệu chứng thiếu nitơ của cây là:

- A. Lá nhỏ có màu lục đậm, màu của thân không bình thường, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.
- B. Sinh trưởng bị còi cọc, lá có màu vàng.
- C. Lá mới có màu vàng, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.
- D. Lá màu vàng nhạt, mép lá màu đỏ và có nhiều chấm đỏ trên mặt lá.

Câu 58: Cách nhận biết rõ rệt nhất thời điểm cần bón phân là:

- A. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của quả mới ra.
- B. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của thân cây.

- C. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của hoa.
- D. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của lá cây.

Câu 59: Trật tự các giai đoạn trong chu trình canvin là:

- A. Khử APG thành ALPG → cố định CO₂ → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôtpat).
- B. Cố định CO₂ → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôtpat) → khử APG thành ALPG.
- C. Khử APG thành ALPG → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôtpat) → cố định CO₂.
- D. Cố định CO₂ → khử APG thành ALPG → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôtpat) → cố định CO₂.

Câu 60: Khái niệm pha sáng nào dưới đây của quá trình quang hợp là đầy đủ nhất?

- A. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP.
- B. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP và NADPH.
- C. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong NADPH.
- D. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được chuyển thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP.

Câu 61: Sản phẩm của pha sáng gồm có:

- A. ATP, NADPH và O₂
- B. ATP, NADPH và CO₂
- C. ATP, NADP⁺ và O₂
- D. ATP, NADPH.

Câu 62: Nhóm thực vật C₃ được phân bố như thế nào?

- A. Phân bố rộng rãi trên thế giới, chủ yếu ở vùng ôn đới và nhiệt đới.
- B. Chỉ sống ở vùng ôn đới và á nhiệt đới.
- C. Sống ở vùng nhiệt đới.
- D. Sống ở vùng sa mạc.

Câu 63: Vai trò nào dưới đây không phải của quang hợp?

- A. Tích lũy năng lượng.

- B. Tạo chất hữu cơ.
- C. Cân bằng nhiệt độ của môi trường.
- D. Điều hoà nhiệt độ của không khí.

Câu 64: Vì sao lá cây có màu xanh lục?

- A. Vì diệp lục a hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.
- B. Vì diệp lục b hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.
- C. Vì nhóm sắc tố phụ (carotênôit) hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.
- D. Vì hệ sắc tố không hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.

Câu 65: Diễn biến nào dưới đây không có trong pha sáng của quá trình quang hợp?

- A. Quá trình tạo ATP, NADPH và giải phóng ôxy.
- B. Quá trình khử CO_2
- C. Quá trình quang phân li nước.
- D. Sự biến đổi trạng thái của diệp lục (từ dạng bình thường sang dạng kích thích).

Câu 66: Khái niệm quang hợp nào dưới đây là đúng?

- A. Quang hợp là quá trình mà thực vật sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất hữu cơ (đường glucôzơ) từ chất vô cơ (chất khoáng và nước).
- B. Quang hợp là quá trình mà thực vật có hoa sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất hữu cơ (đường glucôzơ) từ chất vô cơ (CO_2 và nước).
- C. Quang hợp là quá trình mà thực vật sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất hữu cơ (đường galactôzơ) từ chất vô cơ (CO_2 và nước).
- D. Quang hợp là quá trình mà thực vật sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất hữu cơ (đường glucôzơ) từ chất vô cơ (CO_2 và nước).

Câu 67: Pha tối diễn ra ở vị trí nào trong lục lạp?

- A. Ở màng ngoài.
- B. Ở màng trong.
- C. Ở chất nền.
- D. Ở tilacôit.

Câu 68: Thực vật C_4 được phân bố như thế nào?

- A. Phân bố rộng rãi trên thế giới, chủ yếu ở vùng ôn đới và á nhiệt đới.
- B. Chỉ sống ở vùng ôn đới và á nhiệt đới.
- C. Sống ở vùng nhiệt đới.
- D. Sống ở vùng sa mạc.

Câu 69: Những cây thuộc nhóm thực vật CAM là:

- A. Lúa, khoai, sắn, đậu.
- B. Ngô, mía, cỏ lồng vục, cỏ gấu.
- C. Dứa, xương rồng, thuốc bỏng.
- D. Rau dền, kê, các loại rau.

Câu 70: Những cây thuộc nhóm C_3 là:

- A. Rau dền, kê, các loại rau.
- B. Mía, ngô, cỏ lồng vục, cỏ gấu.
- C. Dứa, xương rồng, thuốc bỏng.
- D. Lúa, khoai, sắn, đậu.

Câu 71: Pha sáng diễn ra ở vị trí nào của lục lạp?

- A. Ở chất nền.
- B. Ở màng trong.
- C. Ở màng ngoài.
- D. Ở tilacôit.

Câu 72: Về bản chất pha sáng của quá trình quang hợp là:

- A. Pha ôxy hoá nước để sử dụng H^+ , CO_2 và điện tử cho việc hình thành ATP, NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.
- B. Pha ôxy hoá nước để sử dụng H^+ và điện tử cho việc hình thành ADP, NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.
- C. Pha ôxy hoá nước để sử dụng H^+ và điện tử cho việc hình thành ATP, NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.
- D. Pha khử nước để sử dụng H^+ và điện tử cho việc hình thành ATP, NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.

Câu 73: Các tilacôit không chứa:

- A. Hệ các sắc tố.
- B. Các trung tâm phản ứng.
- C. Các chất chuyển điện tử.
- D. enzym cacbôxi hoá.

Câu 74: Thực vật C_4 khác với thực vật C_3 ở điểm nào?

- A. Cường độ quang hợp, điểm bão hoà ánh sáng, điểm bù CO_2 thấp.
- B. Cường độ quang hợp, điểm bão hoà ánh sáng cao, điểm bù CO_2 thấp.
- C. Cường độ quang hợp, điểm bão hoà ánh sáng cao, điểm bù CO_2 cao.
- D. Cường độ quang hợp, điểm bão hoà ánh sáng thấp, điểm bù CO_2 cao.

Câu 75: Ý nào dưới đây không đúng với ưu điểm của thực vật C_4 so với thực vật C_3 ?

- A. Cường độ quang hợp cao hơn.
- B. Nhu cầu nước thấp hơn, thoát hơi nước ít hơn.
- C. Năng suất cao hơn.
- D. Thích nghi với những điều kiện khí hậu bình thường.

Câu 76: Chất được tách ra khỏi chu trình canvin để khởi đầu cho tổng hợp glucôzơ là:

- A. APG (axit photphoglixêric).
- B. RiDP (ribulôzơ - 1,5 – điphôtphat).
- C. ALPG (andêhit photphoglixêric).
- D. AM (axitmalic).

Câu 77: Chu trình C_4 thích ứng với những điều kiện nào?

- A. Cường độ ánh sáng, nhiệt độ, O_2 cao, nồng độ CO_2 thấp.
- B. Cường độ ánh sáng, nhiệt độ, nồng độ CO_2 , O_2 thấp.
- C. Cường độ ánh sáng, nhiệt độ, O_2 bình thường, nồng độ CO_2 cao.
- D. Cường độ ánh sáng, nhiệt độ, nồng độ CO_2 , O_2 bình thường.

Câu 78: Chu trình canvin diễn ra ở pha tối trong quang hợp ở nhóm hay các nhóm thực vật nào?

- A. Chỉ ở nhóm thực vật CAM.
- B. Ở cả 3 nhóm thực vật C₃, C₄ và CAM.
- C. Ở nhóm thực vật C₄ và CAM.
- D. Chỉ ở nhóm thực vật C₃.

Câu 79: Điểm bù ánh sáng là:

- A. Cường độ ánh sáng mà ở đó cường độ quang hợp lớn hơn cường độ hô hấp.
- B. Cường độ ánh sáng mà ở đó cường độ quang hợp và cường độ hô hấp bằng nhau.
- C. Cường độ ánh sáng mà ở đó cường độ quang hợp nhỏ hơn cường độ hô hấp.
- D. Cường độ ánh sáng mà ở đó cường độ quang hợp lớn gấp 2 lần cường độ hô hấp.

Câu 80: Sản phẩm quang hợp đầu tiên của chu trình C₄ là:

- A. APG (axit photphoglixêric).
- B. ALPG (andêhit photphoglixêric).
- C. AM (axitmalic).
- D. Một chất hữu cơ có 4 cac bon trong phân tử (axit ôxalô axêtic – AOA).

ĐÁP ÁN

41D	42A	43A	44A	45C	46B	47B	48D	49B	50C
51A	52D	53B	54A	55C	56B	57B	58D	59D	60B
61A	62D	63C	64D	65D	66D	67C	68C	69C	70D
71D	72C	73D	74B	75D	76C	77A	78B	79B	80D

6. Đề kiểm tra giữa HK1 Sinh 11 số 6

SỞ GD & ĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT ĐỒNG HỖ

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2019-2020

MÔN: SINH HỌC 11 – BAN: KHTN

Câu 1: Hô hấp sáng xảy ra

A. ở thực vật C_4 và thực vật CAM.

B. ở thực vật C_3 .

C. ở thực vật C_4 .

D. ở thực vật CAM.

Câu 2: Các giai đoạn của hô hấp tế bào diễn ra theo trật tự nào?

A. Đường phân → Chu trình Crep → Chuỗi chuyền êlectron hô hấp.

B. Đường phân → Chuỗi chuyền êlectron hô hấp → Chu trình Crep.

C. Chu trình Crep → Đường phân → Chuỗi chuyền êlectron hô hấp.

D. Chuỗi chuyền êlectron hô hấp → Đường phân → Chu trình Crep.

Câu 3: Loại thức ăn được tiêu hoá hoá học ở dạ dày là:

A. Thức ăn có thành phần chính là prôtêin.

B. Thức ăn có thành phần chính là tinh bột

C. Thức ăn có thành phần chính là xenlulôzơ

D. Thức ăn có thành phần chính là lipit

Câu 4: Nói quá trình tiêu hóa quan trọng nhất xảy ra ở ruột vì:

A. Ở ruột có cấu tạo phức tạp nhất và dài nhất.

B. Ở ruột có quá trình biến đổi và hấp thu thức ăn.

C. Bề mặt hấp thụ của ruột lớn

D. Ở ruột có đủ các loại enzym để biến đổi tất cả các loại thức ăn về mặt hóa học.

E. Cả C và D

Câu 5: Điểm khác nhau cơ bản về cấu tạo cơ quan tiêu hóa ở động vật ăn thịt và động vật ăn tạp là:

A. Răng và độ dài ruột.

B. Dạ dày

C. Ruột

D. Khoang miệng

Câu 6: Quá trình hấp thụ chất dinh dưỡng chủ yếu được diễn ra ở:

- A. Dạ dày
- B. Ruột già
- C. Ống tiêu hóa
- D. Ruột non

Câu 7: Khi bảo quản hạt giống ở nhiệt độ thấp, mục tiêu nào không có ý nghĩa?

- A. Giảm hoạt động của sinh vật.
- B. Giảm bay hơi nước.
- C. Giảm phân hủy chất hữu cơ.
- D. Giảm hô hấp.

Câu 8: Giai đoạn chung cho quá trình lên men và hô hấp hiếu khí?

- A. Đường phân.
- B. Chu trình Crep.
- C. Chuỗi chuyền electron.
- D. Tổng hợp axêtyl - CoA.

Câu 9: Quá trình nào quyết định đến năng suất cây trồng?

- A. Quá trình quang hợp.
- B. Quá trình trao đổi nước và khoáng.
- C. Quá trình hô hấp.
- D. Quá trình vận chuyển các chất hữu cơ từ cơ quan sản xuất đến cơ quan dự trữ.

Câu 9: Thực vật C₄ có năng suất cao hơn thực vật C₃ vì:

- A. Không có hô hấp sáng.
- B. Tận dụng được nồng độ CO₂
- C. Nhu cầu nước thấp.
- D. Tận dụng được ánh sáng cao.

Câu 10: Ánh sáng có hiệu quả nhất đối với quang hợp là:

- A. Da cam.
- B. Xanh lục.
- C. Vàng.
- D. Đỏ.

Câu 11: Sự giống nhau giữa các chu trình cố định CO_2 của 3 nhóm thực vật:

- A. điều kiện sống như nhau nên chu trình cố định CO_2 giống nhau.
- B. cả pha sáng và pha tối.
- C. pha sáng.
- D. pha tối.

Câu 12: Phần lớn ATP được hình thành trong quá trình tế bào là từ:

- A. Chuỗi chuyền electron.
- B. Lên men.
- C. Đường phân.
- D. Chu trình Crep.

Câu 13: Cắt cây thân thảo (bầu, bí, ngô...) đến gần gốc, sau vài phút thấy những giọt nhựa rỉ ra ở phần thân cây bị cắt. Những giọt rỉ ra trên bề mặt thân cây bị cắt do:

- A. Nhựa rỉ ra từ các tế bào bị dập nát
- B. Nước từ khoảng gian bào tràn ra.
- C. Nhựa do rễ cây đẩy từ mạch gỗ của rễ lên mạch gỗ ở thân
- D. Nước được rễ đẩy lên phần trên bị tràn ra.

Câu 14: Câu tục ngữ: “Lúa chiêm lấp ló đầu bờ. Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên”. Được giải thích như sau:

- A. Nhiệt độ môi trường trở lên ấm áp hơn rất thích hợp cho sinh trưởng của thực vật.
- B. Ánh sáng thuận lợi hơn cho các phản ứng quang hợp của thực vật.
- C. Sự phóng điện trong cơn giông đã oxi hóa N_2 thành NO_3^- , là nguồn nitơ mà thực vật có thể hấp thụ được.
- D. Nhờ có những trận mưa đầu mùa làm thực vật sinh trưởng phát triển tốt.

Câu 15: Dạng nitơ mà cây sử dụng trực tiếp để tổng hợp các chất hữu cơ trong cơ thể là:

- A. N_2
- B. NH_4^+
- C. NO_2^-
- D. NO_3^-

Câu 16: Thế nào là bón lót?

- A. Trường hợp bón phân cho cây lúc còn non
- B. Trường hợp bón phân cho đất trước khi trồng cây
- C. Trường hợp bón xen kẽ phân chuồng với phân vô cơ
- D. Trường hợp bón phân cho cây trước khi ra hoa kết hạt

Câu 17: Người ta nói: « đất chua thì nghèo dinh dưỡng. Vậy để cải tạo độ chua của đất phải bón »:

- A. Bón vôi.
- B. Phân đạm.
- C. Phân lân.
- D. Phân hỗn hợp NPK.

Câu 18: Vòng đai Caspari có vai trò:

- A. Dẫn nước từ dưới rễ lên thân - lá.
- B. Điều chỉnh lượng nước và kiểm tra các chất khoáng hòa tan trong nước.
- C. Kiểm tra các chất khoáng hòa tan trong nước.
- D. Điều chỉnh lượng nước từ rễ lên thân - lá và làm tăng áp suất rễ.

Câu 19: Nhận định không phải là đặc điểm chung của con đường cố định CO_2 ở thực vật C_4 và thực vật CAM là:

- A. Cùng diễn ra ở lục lạp của tế bào mô giậu.
- B. Sản phẩm quang hợp đầu tiên là AOA (axit oxalo axetic).
- C. Enzym xúc tác cho phản ứng cacboxy hoá là photpho enol pyruvat cacboxylaza.

D. Chất nhận CO_2 đầu tiên là PEP (photpho enol pyruvic).

Câu 20: Điểm giống nhau trong chức năng của ti thể và lục lạp là:

A. giải phóng O_2 .

B. khử NAD^+ thành NADH.

C. lấy electron từ H_2O .

D. tổng hợp ATP.

Câu 21: Một cây C_3 và một cây C_4 được đặt trong cùng một chiếc chuông thủy tinh kín dưới ánh sáng. Nồng độ CO_2 thay đổi như thế nào trong chuông thủy tinh?

A. Không thay đổi.

B. Giảm đến điểm bù CO_2 của cây C_3 .

C. Giảm đến điểm bù CO_2 của cây C_4 .

D. Nồng độ CO_2 tăng.

Câu 22: Trong một thí nghiệm về hô hấp tế bào, nếu nguyên liệu hô hấp là đường có chứa O_2 phóng xạ thì sau một thời gian O_2 phóng xạ sẽ tìm thấy ở hợp chất nào/

A. CO_2 .

B. H_2O .

C. ATP.

D. NADH.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây không đúng với dạng nước tự do?

A. Là dạng nước bị hút bởi các phân tử tích điện.

B. Là dạng nước chứa trong các khoảng gian bào.

C. Là dạng nước chứa trong các thành phần của tế bào.

D. Là dạng nước chứa trong các mạch dẫn.

Câu 24: Bào quan nào đảm nhiệm chức năng hô hấp là:

A. Lục lạp.

B. Ti thể.

C. Lạp thể.

D. Vi thể.

Câu 25: Quá trình lên men khác quá trình hô hấp là:

A. Tạo ra năng lượng ít hơn.

B. Không tạo ra năng lượng.

C. Cần ôxi tham gia phản ứng.

D. Cần nguyên liệu là glucôzơ.

Câu 26: Thực vật sống ở nước có thể hút qua :

A. Biểu bì của rễ, thân, lá.

B. Biểu bì của rễ và lông hút.

C. Rễ và thân.

D. Rễ và lá.

Câu 27: Xilem là một tên gọi khác của:

A. Mạch ống.

B. Quản bào.

C. Mạch rây.

D. Mạch gỗ.

Câu 28: Biện pháp kĩ thuật nào sau đây không làm tăng cường độ quang hợp?

A. Trồng cây với mật độ dày.

B. Bón phân hợp lí.

C. Chăm sóc hợp lí,

D. Cung cấp nước hợp lí.

Câu 29: Vai trò chung của các nguyên tố vi lượng là:

A. Thành phần cấu tạo của các đa phân tử trong cơ thể.

B. Thành phần không thể thiếu được ở hầu hết các enzym, hoạt hóa các enzym trong quá trình trao đổi chất.

C. Cân bằng nước và ion trong tế bào, nhân tố phụ gia của enzym.

D. Đóng vai trò cấu trúc trong các thành phần của tế bào.

7. Đề kiểm tra giữa HK1 Sinh 11 số 7

SỞ GD&ĐT VINH PHÚC

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIẾT XUÂN

(Đề thi gồm 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK1

Năm học 2019 - 2020

Môn: SINH HỌC 11

Thời gian làm bài: 50 phút

(không kể thời gian giao đề)

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Câu 81: Nước và các ion khoáng xâm nhập từ đất vào mạch gỗ của rễ theo những con đường:

- A. Gian bào và màng tế bào
B. Gian bào và tế bào nội bì
C. Gian bào và tế bào biểu bì
D. Gian bào và tế bào chất

Câu 82: Cắt cây thân thảo (bầu, bí, ngô...) đến tận gốc, sau vài phút thấy có những giọt nhựa rỉ ra ở phần thân cây bị cắt. Hiện tượng trên được gọi là gì ?

- A. Rỉ nhựa.
B. Ứ giọt.
C. Rỉ nhựa hoặc ứ giọt.
D. Trào nước.

Câu 83: Quá trình lên men và hô hấp hiếu khí có giai đoạn chung là:

- A. đường phân.
B. chu trình crep.
C. tổng hợp Axetyl – CoA.
D. chuỗi chuyển electron.

Câu 84: Xác động thực vật phải trải qua quá trình biến đổi nào cây mới sử dụng được nguồn nitơ?

- A. Quá trình cố định đạm.
B. Quá trình amôn hóa và nitrat hóa.
C. Quá trình amôn hóa và phản nitrat hóa.
D. Quá trình nitrat hóa và phản nitrat hóa.

Câu 85: Cho các phát biểu sau:

1. máu chảy trong động mạch luôn luôn là máu đỏ tươi và giàu oxi.

2. nhờ sự đàn hồi của thành động mạch mà huyết áp được duy trì tương đối ổn định trong suốt quá trình lưu thông trong cơ thể.

3. người lớn có chu kì tim ngắn hơn trẻ em.

4. hệ tuần hoàn hở chỉ thích hợp cho động vật có kích thước nhỏ.

5. tim của bò sát có 4 ngăn, máu vận chuyển trong cơ thể là máu không pha.

6. sau khi nín thở vài phút thì nhịp tim vẫn bình thường.

Có bao nhiêu phát biểu **đúng**?

A. 2

B. 5

C. 1

D. 4

Câu 86: Bộ phận thực hiện trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi là:

A. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.

B. Tuyến nội tiết.

C. Trung ương thần kinh.

D. Các cơ quan dinh dưỡng như: thận, gan, tim, mạch máu...

Câu 87: Vì sao ta có cảm giác khát nước?

A. Do áp suất thẩm thấu trong máu giảm.

B. Do áp suất thẩm thấu trong máu tăng.

C. Vì nồng độ glucôzơ trong máu tăng.

D. Vì nồng độ glucôzơ trong máu giảm.

Câu 88: Quá trình hấp thụ chủ động ion khoáng có đặc điểm:

1. Các ion khoáng đi từ môi trường đất có nồng độ thấp, sang tế bào rễ có nồng độ cao.

2. Cần năng lượng và chất mang.

3. Các ion khoáng đi từ môi trường đất có nồng độ cao, sang tế bào rễ có nồng độ thấp.

4. Dù môi trường đất có nồng độ cao hay thấp so với tế bào lông hút, nhưng nếu là ion cần thiết đều được tế bào lông hút lấy vào.

Phương án đúng là

A. 2, 4.

B. 1, 4.

C. 2, 3.

D. 1, 2.

Câu 89: Sự tiêu hoá thức ăn ở dạ cỏ diễn ra như thế nào?

A. Thức ăn được ợ lên miệng để nhai lại.

B. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.

C. Tiết pepsin và HCl để tiêu hoá prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

D. Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzym tiêu hoá xellulôzơ.

Câu 90: Cơ quan thoát hơi nước của cây là :

A. Cành

B. Thân

C. Lá

D. Rễ

Câu 91: Khi cho que diêm đang cháy vào bình chứa hạt đang nảy mầm thì có hiện tượng gì sẽ xảy ra?

A. ngọn lửa tiếp tục cháy một thời gian sau. B. ngọn lửa bị tắt ngay.

C. ngọn lửa cháy bùng lên.

D. ngọn lửa cháy bình thường.

Câu 92: Ý nào **không** phải là ưu điểm của tuần hoàn kín so với tuần hoàn hở?

A. Máu đến các cơ quan nhanh nên đáp ứng được nhu cầu trao đổi khí và trao đổi chất.

B. Tim hoạt động ít tiêu tốn năng lượng.

C. Máu chảy trong động mạch với áp lực cao hoặc trung bình.

D. Tốc độ máu chảy nhanh, máu đi được xa.

Câu 93: Biện pháp quan trọng có tác dụng giúp cho bộ rễ của cây phát triển:

1. Phơi ải đất, cày sâu, bừa kĩ.

2. Tưới nước đầy đủ và bón phân hữu cơ cho đất.

3. Vun gốc và xới xáo cho cây.

4. Luôn đảm bảo cho cây ngập nước.

Tổ hợp phương án đúng là

A. 1, 3.

B. 1, 2, 3, 4.

C. 2, 4.

D. 1, 2, 3.

Câu 94: Đâu **không** phải là vai trò của hô hấp ở thực vật?

A. Giải phóng năng lượng ATP.

B. Tạo các sản phẩm trung gian.

C. Tổng hợp các chất hữu cơ.

D. Giải phóng năng lượng dạng nhiệt.

Câu 95: Cách nhận biết rõ rệt nhất thời điểm cần bón phân là:

- A. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của lá cây.
- B. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của thân cây.
- C. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của hoa.
- D. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của quả mới ra.

Câu 96: Hướng động là:

- A. Hình thức phản ứng của một bộ phận của cây trước tác nhân kích thích theo một hướng xác định.
- B. Hình thức phản ứng của cây trước tác nhân kích thích theo một hướng xác định.
- C. Hình thức phản ứng của một bộ phận của cây trước tác nhân kích thích theo nhiều hướng.
- D. Hình thức phản ứng của cây trước tác nhân kích thích theo nhiều hướng.

Câu 97: Qua chu trình Calvin, sản phẩm trực tiếp để tổng hợp thành glucôzơ là

- A. CO₂.
- B. APG.
- C. H₂O.
- D. AIPG.

Câu 98: Động lực của dịch mạch gỗ từ rễ đến lá

- A. Lực đẩy (áp suất rễ)
- B. Lực liên kết giữa các phần tử nước với nhau và với thành tế bào mạch gỗ.
- C. Do sự phối hợp của 3 lực: Lực đẩy, lực hút và lực liên kết.
- D. Lực hút do thoát hơi nước ở lá

Câu 99: Cho các hiện tượng sau:

1. Cây luôn vươn về phía có ánh sáng.
2. Rễ cây luôn mọc hướng đất và mọc vươn đến nguồn nước nguồn phân.
3. Cây trinh nữ xếp lá khi mặt trời lặn, xoè lá khi mặt trời mọc.
4. Rễ cây mọc tránh chất gây độc.
5. Vận động quán vòng của tua cuốn.

Hiện tượng nào không thuộc tính ứng động.

- A. 3, 4, 5
- B. 3, 5.
- C. 1, 2, 4.
- D. 3.

Câu 100: Hệ tuần hoàn của động vật được cấu tạo từ những bộ phận :

- A. bạch cầu
C. tim, hệ mạch, dịch tuần hoàn
- B. hồng cầu
D. máu và nước mô

Câu 101: Các bộ phận tiêu hóa ở người vừa diễn ra tiêu hóa cơ học, vừa diễn ra tiêu hóa hóa học là:

- A. miệng, thực quản, dạ dày
C. dạ dày, ruột non, ruột già
- B. miệng, dạ dày, ruột non
D. thực quản, dạ dày, ruột non.

Câu 102: Vì sao cá xương có thể lấy được hơn 80% lượng O_2 của nước đi qua mang?

- A. Vì dòng nước chảy một chiều qua mang và dòng máu chảy trong mao mạch song song và ngược chiều với dòng nước.
B. Vì dòng nước chảy một chiều qua mang và dòng máu chảy trong mao mạch xuyên ngang với dòng nước.
C. Vì dòng nước chảy một chiều qua mang và dòng máu chảy trong mao mạch song song và cùng chiều với dòng nước.
D. Vì dòng nước chảy một chiều qua mang và dòng máu chảy trong mao mạch song song với dòng nước.

Câu 103: Côn trùng có hình thức hô hấp nào?

- A. Hô hấp bằng phổi.
C. Hô hấp bằng mang.
- B. Hô hấp bằng hệ thống ống khí.
D. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

Câu 104: Ý nào dưới đây **không** đúng với cấu tạo của ống tiêu hoá ở người?

- A. Trong ống tiêu hoá của người có ruột non.
B. Trong ống tiêu hoá của người có dạ dày.
C. Trong ống tiêu hoá của người có thực quản.
D. Trong ống tiêu hoá của người có diều.

Câu 105: Trồng cây trong một hộp kín có khoét một lỗ tròn. Sau một thời gian, ngọn cây mọc vươn về phía ánh sáng. Đây là thí nghiệm chứng minh loại hướng động nào?

- A. Hướng sáng.
C. Hướng sáng âm.
- B. Hướng sáng dương.
D. Hướng sáng và hướng gió.

Câu 106: Vì sao cá lên cạn sẽ bị chết trong thời gian ngắn?

- A. Vì diện tích trao đổi khí còn rất nhỏ và mang bị khô nên cá không hô hấp được.
- B. Vì nhiệt độ trên cạn cao.
- C. Vì không hấp thu được O_2 của không khí.
- D. Vì độ ẩm trên cạn thấp.

Câu 107: Hoạt động của loại vi khuẩn nào sau đây không có lợi cho cây?

- A. Vi khuẩn phản nitrat hóa.
- B. Vi khuẩn amon hóa.
- C. Vi khuẩn nitrat hóa.
- D. Vi khuẩn cố định đạm.

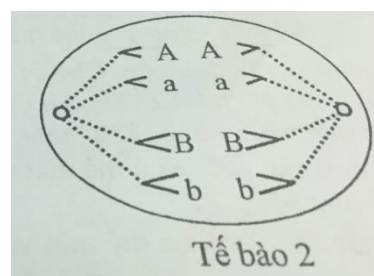
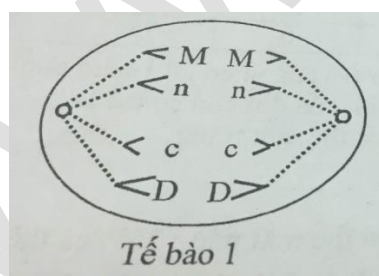
Câu 108: Sự pha máu ở lưỡng cư và bò sát (trừ cá sấu) được giải thích như thế nào?

- A. Tim chỉ có 3 ngăn hay 4 ngăn nhưng vách ngăn ở tâm thất không hoàn toàn.
- B. Vì không có vách ngăn giữa tâm nhĩ và tâm thất.
- C. Vì chúng là động vật biến nhiệt.
- D. Vì tim chỉ có 2 ngăn.

Câu 109: Một gen của vi khuẩn có %A = 20% tổng số nuclêôtit của gen. Trên mạch 1 của gen có %A1 + %T1 + %G1 = 65% tổng số nuclêôtit của mạch và X1 = 490 nuclêôtit. Xác định số liên kết hidro của gen.

- A. 2800.
- B. 1400.
- C. 3640.
- D. 3460.

Câu 110: Hình vẽ sau đây mô tả hai tế bào ở hai cơ thể lưỡng bội đang phân bào



Biết rằng không xảy ra đột biến; các chữ cái A, a, B, b, c, D, M, n kí hiệu cho các nhiễm sắc thể. Theo lí thuyết, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Khi kết thúc quá trình phân bào ở hai tế bào trên thì từ tế bào 1 tạo ra hai tế bào lưỡng bội, từ tế bào 2 tạo ra hai tế bào đơn bội
- B. Hai tế bào đều đang ở kì sau của nguyên phân
- C. Bộ nhiễm sắc thể của tế bào 1 là $2n = 8$, bộ nhiễm sắc thể của tế bào 2 là $2n = 4$

D. Tế bào 2 đang ở kì sau của giảm phân II, tế bào 1 đang ở kì sau của nguyên phân

Câu 111: Trên mạch một của một gen có tỉ lệ $\frac{A+X}{T+G} = 0,3$. Tỉ lệ này ở mạch thứ hai là bao nhiêu?

- A. 10/2 B. 3/10. C. 2/10. D. 10/3.

Câu 112: Trong quá trình quang hợp, nếu cây đã sử dụng hết 24 phân tử nước (H_2O) sẽ tạo ra bao nhiêu phân tử ôxi (O_2)?

- A. 24. B. 12. C. 6. D. 48.

Câu 113: Xét các trường hợp dưới đây cho thấy trường hợp nào rễ cây hấp thụ ion K^+ không tiêu tốn năng lượng ATP?

	Nồng độ ion K^+ ở rễ	Nồng độ ion K^+ ở đất
1	0,2%	0,5%
2	0,3%	0,1%
3	0,4%	0,6%
4	0,5%	0,2%

- A. 1,3. B. 3, 4. C. 2, 3. D. 2, 4.

Câu 114: Tại sao trong môi trường đất mặn, cây chịu mặn như sù, vẹt, đước lại có thể lấy được nước?

- A. Do tính thấm có chọn lọc của màng sinh chất.
 B. Do các loài này có bộ phận đặc biệt ở rễ nhờ đó có thể lấy được nước.
 C. Do không bào của tế bào lông hút có áp suất thẩm thấu lớn hơn cả nồng độ dịch đất.
 D. Do màng tế bào rễ các loài này có cấu trúc phù hợp với khả năng lấy được nước ở môi trường đất có nồng độ cao hơn so với tế bào lông hút.

Câu 115: Một loài thực vật có bộ NST lưỡng bội là $2n = 24$. Một tế bào đang tiến hành quá trình phân bào nguyên phân, ở kì giữa có số NST trong tế bào là

- A. 48 NST đơn. B. 48 NST kép. C. 24 NST đơn. D. 24 NST kép.

Câu 116: Nhịp tim của voi là 25 nhịp/phút. Giả sử thời gian nghỉ của tâm nhĩ là 2,1 giây và tâm thất là 1,5 giây. Tỉ lệ về thời gian của các pha trong chu kì tim của voi là

- A. 1 : 3 : 5. B. 1 : 2 : 3. C. 1 : 3 : 4. D. 4 : 3 : 1.

Câu 117: Ở gà có bộ NST $2n=78$. Một tế bào sinh dục đực sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

- A. 4. B. 6. C. 7. D. 5.

Câu 118: Những điểm khác nhau cơ bản giữa ADN và ARN là

1. Số lượng mạch, số lượng đơn phân.
2. Cấu trúc của một đơn phân khác nhau ở đường, trong ADN có T không có U còn trong ARN thì ngược lại.
3. Liên kết xảy ra giữa H_3PO_4 với đường C_5 .
4. Về liên kết hiđrô và nguyên tắc bổ sung giữa các cặp bazơ nitơ.

Phương án đúng là

- A. 1, 3, 4. B. 1, 4. C. 2, 4. D. 1, 2, 4.

Câu 119: Một gen dài 425 nm và có tổng số nuclêôtit loại A và nuclêôtit loại T chiếm 40% tổng số nuclêôtit của gen. Mạch 1 của gen có 220 nuclêôtit loại T và số nuclêôtit loại X chiếm 20% tổng số nuclêôtit của mạch. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây không đúng?

- I. Mạch 1 của gen có $G/X = 2/3$.
- II. Mạch 2 của gen có $(A + X)/(T + G) = 53/72$.
- III. Mạch 2 của gen có $G/T = 25/28$.
- IV. Mạch 2 của gen có 20% số nuclêôtit loại X.

- A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 120: Trong giảm phân sự phân li độc lập của các cặp NST kép tương đồng xảy ra ở

- A. kì cuối của lần phân bào I. B. kì sau của lần phân bào I.
C. kì sau của lần phân bào II. D. kì cuối của lần phân bào II.

ĐÁP ÁN

CÂU HỎI	Đ/A
81	D
82	A
83	A
84	B
85	C

86	D
87	B
88	D
89	D
90	C
91	B
92	B
93	D
94	C
95	A
96	A
97	D
98	C
99	B
100	C
101	B
102	A
103	B
104	D
105	B
106	A
107	A
108	A
109	C
110	C
111	D
112	B
113	A
114	C
115	D
116	C
117	C
118	D
119	A
120	B

8. Đề kiểm tra giữa HK1 Sinh 11 số 8

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC

TRƯỜNG THPT YÊN LẠC

KIỂM TRA GIỮA HK1- NĂM HỌC 2019-2020

ĐỀ THI MÔN: SINH HỌC - KHỐI 11

Thời gian làm bài: 50 phút; Không kể thời gian giao đề

Câu 81: Một cây C_3 và một cây C_4 được đặt trong cùng 1 chuông thủy tinh kín dưới ánh sáng. Nồng độ CO_2 thay đổi thế nào trong chuông?

- A. Nồng độ CO_2 tăng.
- B. Giảm đến điểm bù của cây C_3 .
- C. Giảm đến điểm bù của cây C_4 .
- D. Không thay đổi.

Câu 82: Thực vật chịu hạn mất một lượng nước tối thiểu vì

- A. giảm độ dày của lớp cutin ở lá.
- B. sử dụng con đường quang hợp CAM.
- C. sử dụng con đường quang hợp C_3 .
- D. vòng đai caspari phát triển giữa lá và cành.

Câu 83: Cao huyết áp là hiện tượng

- A. huyết áp tối đa tăng quá mức bình thường và kéo dài.
- B. huyết áp tối đa hoặc tối thiểu đều cao hơn mức bình thường và kéo dài.
- C. huyết áp tối đa tăng, còn huyết áp tối thiểu giảm.
- D. chỉ có huyết áp tối thiểu cao hơn bình thường.

Câu 84: Đặc điểm thường gặp ở cây sống ở vùng khô hạn là gì?

- A. Khí khổng tập trung với số lượng lớn ở mặt dưới lá.
- B. Lớp cutin dày, số lượng khí khổng ít.
- C. Lớp cutin mỏng.
- D. Khí khổng luôn mở để thoát hơi nước làm mát cây.

Câu 85: Pha sáng của quang hợp sẽ cung cấp cho chu trình canvin

- A. năng lượng ánh sáng.
- B. H_2O .
- C. CO_2 .
- D. ATP và NADPH.

Câu 86: Trong ống tiêu hóa của động vật nhai lại thành xenlulozo của tế bào thực vật

- A. được nước bọt thủy phân thành các thành phần đơn giản.
- B. không được tiêu hóa nhưng được phá vỡ ra nhờ co bóp mạnh của dạ dày.

C. được tiêu hóa nhờ vi sinh vật cộng sinh trong manh tràng và dạ dày.

D. được tiêu hóa hóa học nhờ enzym tiết ra từ ống tiêu hóa.

Câu 87: Tính lượng phân bón $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ cần bón cho lúa để đạt năng suất 50 tạ/ha. Biết nhu cầu dinh dưỡng N ở lúa là 1,2kg N/ tạ, hệ số sử dụng N ở lúa chỉ đạt 60%, trong đất có khoảng 15kg N do vi sinh vật cố định ra, hàm lượng N trong phân bón $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ là 21%.

A. 476,2 kg/ tạ. B. 404,8 kg/ tạ. C. 357,1 kg/ tạ. D. 461,2 kg/ tạ.

Câu 88: Sắc tố quang hợp nào không có ở thực vật bậc cao?

A. Antoxian. B. Xantophin. C. Carotenoit. D. Phicobilin.

Câu 89: Éch và cóc đều là loài hô hấp qua da nhưng éch chỉ sống được nơi ẩm ướt ven bờ ao, bờ ruộng, còn cóc có thể sống nơi khô ráo trong góc nhà vì

A. Ở đây có nhiều côn trùng nhỏ là thức ăn ưa thích của cóc.

B. trong nhà ít kẻ thù tự nhiên hơn.

C. trong nhà có nhiệt độ ẩm hơn.

D. da cóc xì xì và có nhựa nên chống thoát hơi nước tốt.

Câu 90: Nhóm động vật nào có cơ quan hô hấp khác hẳn các nhóm khác?

A. Thú. B. Bò sát. C. Cá. D. Lưỡng cư.

Câu 91: Trong quang hợp ở thực vật H_2O đóng vai trò là

A. chất nhận điện tử. B. chất cho điện tử để oxi hóa CO_2 .

C. chất nhận hidro D. chất cho hidro và điện tử để khử CO_2 .

Câu 92: Thế nước của cơ quan nào trong cây là thấp nhất?

A. Các lông hút ở rễ. B. Các mạch gỗ ở thân.

C. Lá cây. D. Cành cây.

Câu 93: Tại sao tim hoạt động suốt đời không mệt mỏi?

A. Tim làm việc theo bản năng. B. Tim hoạt động theo chu kỳ.

C. Tim cấu tạo bằng cơ vân. D. Tim có tính tự động.

Câu 94: Vai trò của auxin trong vận động hướng động của cây là gì?

A. Auxin trong tế bào tăng làm cho tế bào tích điện âm.

B. Auxin phân bố không đều ở 2 bên bao lá mầm, thân non, rễ nằm ngang làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng tế bào.

C. Auxin ức chế sự sinh trưởng của tế bào thân non và rễ.

D. Auxin kích thích sự sinh trưởng của tế bào thân non và rễ.

Câu 95: Những nguyên nhân nào làm khí khổng đóng?

- (1) Cây bị hạn.
- (2) Hàm lượng AAB trong tế bào kích thích bơm ion hoạt động.
- (3) Kênh ion đóng.
- (4) Kênh ion mở, ion rút khỏi tế bào.
- (5) Các tế bào giảm áp suất thẩm thấu giảm trương nước.

A. 1,3, 4, 5.

B. 1,2,3,4.

C. 2, 3, 4, 5.

D. 1, 2, 4, 5.

Câu 96: Điểm chung của vận động ở cây ăn sâu bọ và vận động cuộn lá của cây trinh nữ do va chạm mạnh là

A. do sự thay đổi sức trương nước của tế bào.

B. có enzym loại pepsin.

C. vận động mang tính chất chu kì.

D. vận động chịu tác động của photocrom.

Câu 97: Các nguyên tố vi lượng cần cho cây với số lượng nhỏ nhưng có vai trò quan trọng vì

A. chúng tham gia vào hoạt động chính của các enzym.

B. chúng được tích lũy trong hạt.

C. chúng cần cho một số pha sinh trưởng.

D. chúng có trong cấu trúc của tất cả bào quan.

Câu 98: Lượng nước thoát qua khí khổng lớn hơn lượng nước thoát qua bề mặt lá nhiều lần vì

A. diện tích của bề mặt lá lớn.

B. tổng chu vi của toàn bộ khí khổng lớn.

C. tổng chu vi lá lớn.

D. diện tích của mỗi lỗ khí lớn.

Câu 99: Quá trình cố định nito ở các vi khuẩn cố định nito tự do phụ thuộc vào loại enzym

A. đêcacboxilaza.

B. đêaminaza.

C. nitrogenaza.

D. Peroxidaza.

Câu 100: Về thực chất hô hấp nội bào là quá trình

- A. nhận O_2 và thải CO_2 của tế bào.
- B. chuyển các nguyên tử hidro từ chất cho sang chất nhận hidro.
- C. thu năng lượng của tế bào.
- D. thải CO_2 của tế bào.

Câu 101: Nguyên nhân nào gây nên dòng khí từ bên ngoài đi vào phổi khi động vật có vú hít thở bình thường?

- A. Giảm thể tích bên trong lồng ngực.
- B. Các xương sườn hạ xuống làm tăng thể tích lồng ngực.
- C. Cơ liên sườn ngoài giãn làm tăng thể tích lồng ngực.
- D. Cơ hoành co lại.

Câu 102: Hệ tuần hoàn của côn trùng **không** có chức năng

- A. vận chuyển các chất dinh dưỡng đến từng tế bào.
- B. vận chuyển khí trong hô hấp.
- C. điều hòa nhiệt độ.
- D. vận chuyển các sản phẩm bài tiết.

Câu 103: Tại sao thức ăn của động vật ăn thực vật chứa hàm lượng protein ít nhưng chúng vẫn phát triển và hoạt động bình thường?

- (1) Khối lượng thức ăn hàng ngày lớn.
- (2) Vì có biến đổi sinh học với sự tham gia của hệ vi sinh vật.
- (3) Hệ vi sinh vật là nguồn bổ sung protein cho cơ thể.
- (4) Vì ruột rất dài.
- (5) Vì dạ dày 4 ngăn.

- A. 1, 2, 3. B. 2, 3, 5. C. 2, 4, 5. D. 1, 4, 5.

Câu 104: Cho các nhận định sau đây về tế bào:

- (1) Tế bào chỉ được sinh ra bằng cách phân chia tế bào.
- (2) Tế bào là nơi diễn ra mọi hoạt động sống.
- (3) Tế bào là đơn vị cấu tạo cơ bản của cơ thể sống.
- (4) Tế bào có khả năng trao đổi chất theo phương thức đồng hóa và dị hóa.

(5) Tế bào có một hình thức phân chia duy nhất là nguyên phân.

Có bao nhiêu nhận định đúng trong các nhận định trên?

- A. 5 B. 3 C. 2 D. 4

Câu 105: Trong ống tiêu hóa, nước được hấp thụ chủ yếu ở

- A. Ruột già. B. ruột non. C. khoang miệng. D. dạ dày.

Câu 106: Trên một phân tử ADN có khối lượng 720000 đvC có số nucleotit loại Timin chiếm 30%, mạch thứ nhất có 200 nucleotit loại Adenin và 280 nucleotit loại Xitozin. Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định **sai**?

- (1) Tổng số nucleotit của cả ADN là 2400 nucleotit.
(2) Phân tử đó có 120 chu kì xoắn.
(3) Số liên kết hidro của phân tử đó là 2800 liên kết.
(4) Số nucleotit các loại trên mạch thứ hai là: A = 520; T=200; G= 280; X = 200.

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 107: Axit HCl trong dịch vị có vai trò chủ yếu là

- A. làm biến tính các phân tử protein.
B. hoạt hóa pepsinogen thành pepsin ở dạng hoạt động.
C. tiêu diệt vi khuẩn có trong thức ăn.
D. tạo môi trường thích hợp cho enzym pepsin hoạt động.

Câu 108: Ở gà có bộ NST $2n=78$. Một tế bào sinh dục đực sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

- A. 5. B. 7. C. 4. D. 6.

Câu 109: Nhận xét về cơ quan tiêu hóa, điều **không** đúng là

- A. các loài ăn thực vật đều có ruột rất dài và manh tràng phát triển.
B. so với loài ăn thịt, các động vật ăn cỏ có bộ răng ít phân hóa hơn.
C. các loài ăn thực vật đều có dạ dày kép.
D. loài ăn thịt và loài ăn thực vật có các enzym tiêu hóa giống nhau.

Câu 117: Khẳng định nào sau đây minh họa tốt nhất cân bằng nội môi?

- A. Hầu hết người trưởng thành cao 1,5m đến 1,8m.
- B. Phổi và ruột non đều có diện tích bề mặt trao đổi rộng.
- C. Khi nồng độ muối của máu tăng lên, thận phải thải ra nhiều muối hơn.
- D. Mọi tế bào của cơ thể có cùng một kích cỡ giống nhau.

Câu 118: Hoạt động nào sau đây tạo CO₂?

- A. Chu trình Crep.
- B. Đường phân.
- C. Pha sáng quang hợp.
- D. Chuỗi chuyền e trong hô hấp.

Câu 119: Các hoạt động sinh lí bình thường của tế bào chỉ diễn ra khi pH máu

- A. ổn định bằng 7.
- B. dao động trong khoảng 7,0 đến 7,2.
- C. dao động trong khoảng 7,35 đến 7,45.
- D. ổn định bằng 7,5.

Câu 120: Trong hô hấp hiếu khí, 1 phân tử axit piruvic (C₃H₄O₃) bị bẻ gãy hoàn toàn giải phóng

- A. 1 phân tử CO₂.
- B. 2 phân tử CO₂.
- C. 3 phân tử CO₂.
- D. 6 phân tử CO₂.

ĐÁP ÁN

CÂU	Đ/A
81	C
82	B
83	B
84	B
85	D
86	C
87	B
88	D
89	D
90	C
91	D
92	C
93	B
94	B

95	D
96	A
97	A
98	B
99	C
100	B
101	D
102	B
103	A
104	D
105	A
106	D
107	B
108	B
109	C
110	B
111	D
112	C
113	B
114	D
115	C
116	B
117	C
118	A
119	C
120	C

9. Đề kiểm tra giữa HK1 Sinh 11 số 9

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN LINH
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK1 SINH 11
NĂM HỌC: 2019-2020

Câu 1: Nơi nước và các chất hoà tan đi qua trước khi vào mạch gỗ của rễ là:

- A. Tế bào lông hút
- B. Tế bào nội bì
- C. Tế bào biểu bì
- D. Tế bào vỏ.

Câu 2: Đặc điểm cấu tạo của tế bào lông hút ở rễ cây là:

- A. Thành tế bào mỏng, có thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.

- B. Thành tế bào dày, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.
- C. Thành tế bào mỏng, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm nhỏ.
- D. Thành tế bào mỏng, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.

Câu 3: Nước được vận chuyển ở thân chủ yếu:

- A. Qua mạch rây theo chiều từ trên xuống.
- B. Từ mạch gỗ sang mạch rây.
- C. Từ mạch rây sang mạch gỗ.
- D. Qua mạch gỗ.

Câu 4: Lực đóng vai trò chính trong quá trình vận chuyển nước ở thân là:

- A. Lực đẩy của rễ (do quá trình hấp thụ nước).
- B. Lực hút của lá do (quá trình thoát hơi nước).
- C. Lực liên kết giữa các phân tử nước.
- D. Lực bám giữa các phân tử nước với thành mạch dẫn.

Câu 5: Sự đóng chủ động của khí khổng diễn ra khi nào?

- A. Khi cây ở ngoài sáng.
- B. Khi cây ở trong tối.
- C. Khi lượng axit abxixic (ABA) giảm đi.
- D. Khi cây ở ngoài sáng và thiếu nước.

Câu 6: Nhiệt độ có ảnh hưởng:

- A. Chỉ đến sự vận chuyển nước ở thân.
- B. Chỉ đến quá trình hấp thụ nước ở rễ.
- C. Chỉ đến quá trình thoát hơi nước ở lá.
- D. Đến cả hai quá trình hấp thụ nước ở rễ và thoát hơi nước ở lá.

Câu 7: Các nguyên tố đại lượng (Đa) gồm:

- A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe.
- B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.
- C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn.
- D. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Cu.

Câu 8: Vai trò của Nitơ đối với thực vật là:

- A. Thành phần của axit nuclêôtit, ATP, photpholipit, côenzim; cần cho nở hoa, đậu quả, phát triển rễ.
- B. Chủ yếu giữ cân bằng nước và ion trong tế bào, hoạt hoá enzym, mở khí khổng.
- C. Thành phần của thành tế bào, màng tế bào, hoạt hoá enzym.
- D. Thành phần của prôtêin và axit nuclêic.

Câu 9: Sự biểu hiện triệu chứng thiếu sắt của cây là:

- A. Gân lá có màu vàng và sau đó cả lá có màu vàng.
- B. Lá nhỏ có màu vàng.
- C. Lá non có màu lục đậm không bình thường.
- D. Lá nhỏ, mềm, mầm đỉnh bị chết.

Câu 10: Khái niệm pha sáng nào dưới đây của quá trình quang hợp là đầy đủ nhất?

- A. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP.
- B. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP và NADPH.
- C. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong NADPH.
- D. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được chuyển thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP.

Câu 11: Vai trò nào dưới đây không phải của quang hợp?

- A. Tích lũy năng lượng.
- B. Tạo chất hữu cơ.
- C. Cân bằng nhiệt độ của môi trường.
- D. Điều hoà nhiệt độ của không khí.

Câu 12: Pha tối diễn ra ở vị trí nào trong lục lạp?

- A. Ở màng ngoài.
- B. Ở màng trong.

C. Ở chất nền.

D. Ở tilacôit

Câu 13: Những cây thuộc nhóm thực vật CAM là:

A. Lúa, khoai, sắn, đậu.

B. Ngô, mía, cỏ lồng vực, cỏ gấu.

C. Dứa, xương rồng, thuốc bỏng.

D. Rau dền, kê, các loại rau

Câu 14: Các tilacôit không chứa:

A. Hệ các sắc tố.

B. Các trung tâm phản ứng.

C. Các chất chuyên điện tử.

D. enzim cacbôxi hoá.

Câu 15: Điểm bù ánh sáng là:

A. Cường độ ánh sáng mà ở đó cường độ quang hợp lớn hơn cường độ hô hấp.

B. Cường độ ánh sáng mà ở đó cường độ quang hợp và cường độ hô hấp bằng nhau.

C. Cường độ ánh sáng mà ở đó cường độ quang hợp nhỏ hơn cường độ hô hấp.

D. Cường độ ánh sáng mà ở đó cường độ quang hợp lớn gấp 2 lần cường độ hô hấp.

Câu 16: Sự trao đổi nước ở thực vật C4 khác với thực vật C3 như thế nào?

A. Nhu cầu nước thấp hơn, thoát hơi nước nhiều hơn.

B. Nhu cầu nước cao hơn, thoát hơi nước cao hơn.

C. Nhu cầu nước thấp hơn, thoát hơi nước ít hơn.

D. Nhu cầu nước cao hơn, thoát hơi nước ít hơn.

Câu 17: Ý nào dưới đây không đúng với sự giống nhau giữa thực vật CAM với thực vật C4 khi cố định CO₂?

A. Đều diễn ra vào ban ngày.

B. Tiến trình gồm hai giai đoạn (2 chu trình).

C. Sản phẩm quang hợp đầu tiên.

D. Chất nhận CO₂

Câu 18: Bào quan thực hiện chức năng hô hấp chính là:

- A. Mạng lưới nội chất.
- B. Không bào.
- c. Lục lạp.
- D. Ty thể.

Câu 19: Quá trình quang hợp chỉ diễn ra ở:

- A. Thực vật và một số vi khuẩn.
- B. Thực vật, tảo và một số vi khuẩn.
- C. Tảo và một số vi khuẩn.
- D. Thực vật, tảo.

Câu 20: Nơi diễn ra sự hô hấp ở thực vật là:

- A. Ở rễ
- B. Ở thân.
- C. Ở lá.
- D. Tất cả các cơ quan của cơ thể.

Câu 21: Chu trình crep diễn ra ở trong:

- A. Ty thể.
- B. Tế bào chất.
- C. Lục lạp.
- D. Nhân.

Câu 22: Hô hấp ánh sáng xảy ra:

- A. Ở thực vật C4.
- B. Ở thực vật CAM.
- C. Ở thực vật C3
- D. Ở thực vật C4 và thực vật CAM.

Câu 23: Kết thúc quá trình đường phân, từ 1 phân tử glucôzơ, tế bào thu được:

- A. 2 phân tử axit piruvic, 2 phân tử ATP và 2 phân tử NADH.
- B. 1 phân tử axit piruvic, 2 phân tử ATP và 2 phân tử NADH.

C. 2 phân tử axit piruvic, 6 phân tử ATP và 2 phân tử NADH.

D. 2 phân tử axit piruvic, 2 phân tử ATP và 4 phân tử NADH.

Câu 24: Ở động vật chưa có túi tiêu hoá, thức ăn được tiêu hoá như thế nào?

A. Tiêu hóa ngoại bào.

B. Tiêu hoá nội bào.

C. Tiêu hóa ngoại bào tiêu hoá nội bào.

D. Một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.

Câu 25: Sự tiêu hoá thức ăn ở thú ăn cỏ như thế nào?

A. Tiêu hoá hoá và cơ học.

B. Tiêu hoá hoá, cơ học và nhờ vi sinh vật cộng sinh.

C. Chỉ tiêu hoá cơ học.

D. Chỉ tiêu hoá hoá học.

Câu 26: Điều ở các động vật được hình thành từ bộ phận nào của ống tiêu hoá?

A. Điều được hình thành từ tuyến nước bọt.

B. Điều được hình thành từ khoang miệng.

C. Điều được hình thành từ dạ dày.

D. Điều được hình thành từ thực quản.

Câu 27: Ở động vật có ống tiêu hoá, thức ăn được tiêu hoá như thế nào?

A. Tiêu hóa ngoại bào.

B. Tiêu hoá nội bào.

C. Tiêu hóa ngoại bào tiêu hoá nội bào.

D. Một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.

Câu 28: Tiêu hoá là:

A. Quá trình tạo ra các chất dinh dưỡng từ thức ăn cho cơ thể.

B. Quá trình tạo ra các chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể.

C. Quá trình tạo ra các chất chất dinh dưỡng cho cơ thể.

D. Quá trình biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành các chất đơn giản mà cơ thể có thể hấp thu được.

Câu 29: Dạ dày ở động vật ăn thực vật nào chỉ có một ngăn?

- A. Ngựa, thỏ, chuột, cừu, dê.
- B. Ngựa, thỏ, chuột, trâu, bò.
- C. Ngựa, thỏ, chuột.
- D. Trâu, bò, cừu, dê.

Câu 30: Động vật đơn bào hay đa bào có tổ chức thấp (ruột khoang, giun tròn, giun dẹp) có hình thức hô hấp như thế nào?

- A. Hô hấp bằng mang.
- B. Hô hấp bằng phổi.
- C. Hô hấp bằng hệ thống ống khí.
- D. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

Câu 31: Mao mạch là

- A. Những mạch máu rất nhỏ nối liền động mạch và tĩnh mạch, đồng thời là nơi thu hồi sản phẩm trao đổi chất giữa máu và tế bào.
- B. Những mạch máu rất nhỏ nối liền động mạch và tĩnh mạch, đồng thời là nơi tiến hành trao đổi chất giữa máu và tế bào.
- C. Những mạch máu nối liền động mạch và tĩnh mạch, đồng thời là nơi tiến hành trao đổi chất giữa máu và tế bào.
- D. Những điểm ranh giới phân biệt động mạch và tĩnh mạch, đồng thời là nơi tiến hành trao đổi chất giữa máu với tế bào.

Câu 32: Hệ tuần hoàn kín đơn có ở những động vật nào?

- A. Chỉ có ở mực ống, bạch tuột, giun đốt và chân đầu và cá.
- B. Chỉ có ở cá, lưỡng cư và bò sát.
- C. Chỉ có ở cá, lưỡng cư.
- D. Chỉ có ở mực ống, bạch tuột, giun đốt và chân đầu.

Câu 33: Bộ phận điều khiển trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi là:

- A. Trung ương thần kinh hoặc tuyến nội tiết.
- B. Các cơ quan dinh dưỡng như: thận, gan, tim, mạch máu...

C. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.

D. Cơ quan sinh sản

Câu 34: Máu vận chuyển trong hệ mạch nhờ:

A. Dòng máu chảy liên tục.

B. Sự va đẩy của các tế bào máu.

C. Co bóp của mạch.

D. Năng lượng cơ tim.

Câu 35: Chứng huyết áp thấp biểu hiện khi:

A. Huyết áp cực đại thường xuống dưới 80mmHg.

B. Huyết áp cực đại thường xuống dưới 60mmHg.

C. Huyết áp cực đại thường xuống dưới 70mmHg.

D. Huyết áp cực đại thường xuống dưới 90mmHg.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
B	D	D	B	D
6	7	8	9	10
D	B	D	A	B
11	12	13	14	15
C	C	C	D	B
16	17	18	19	20
C	A	D	B	D
21	22	23	24	25
A	C	A	C	B

26	27	28	29	30
D	A	D	C	D
31	32	33	34	35
B	A	A	D	A

10. Đề kiểm tra giữa HK1 Sinh 11 số 10

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK1

NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THPT

NGUYỄN VĂN CỪ

MÔN: SINH HỌC LỚP: 11

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

Chọn câu trả lời đúng nhất tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm

Câu 1: Thành phần nào sau đây không thuộc thành phần xinap?

- A. Khe xi nap B. Màng sau xinap C. chùy xinap D. Ion Ca^{2+}

Câu 2: Nhận xét nào sau đây là *không đúng* khi nói về ảnh hưởng của thức ăn đến sự sinh trưởng phát triển ở động vật ?

- A. tăng cường khả năng thích ứng của cơ thể đối với mọi điều kiện bất lợi
 B. tăng cường quá trình phân bào; tạo nên các mô, cơ quan và hệ cơ quan
 C. cung cấp nguyên liệu để tổng hợp các chất hữu cơ trong cơ thể
 D. cung cấp năng lượng cho hoạt động sống của cơ thể

Câu 3: Hoocmôn sinh trưởng (GH) tiêm vào giai đoạn nào sau đây trong quá trình phát triển của cơ thể người sẽ phát huy tối ưu tác dụng?

- A. Giai đoạn sơ sinh B. Giai đoạn trưởng thành
 C. Giai đoạn nào cũng có tác dụng tốt D. Giai đoạn đang lớn

Câu 4: Điện thế hoạt động gồm các giai đoạn diễn ra theo thứ tự

- A. tái phân cực -> đảo cực -> khử cực B. khử cực-> đảo cực -> tái phân cực
 C. đảo cực -> tái phân cực-> khử cực D. khử cực-> tái phân cực -> đảo cực

Câu 5: Hoocmôn Ecdixơn và Juvenin có ở loài động vật nào sau đây?

- A. Thú B. Chim C. Côn trùng D. Lưỡng cư

Câu 6: Có bao nhiêu phát biểu sau đây không đúng khi nói về hoocmon ở người?

- (1) Testosteron kích thích phân hóa sự hình thành đặc điểm sinh dục phụ thứ cấp ở nữ
- (2) Tiroxin là hoocmon được sản sinh từ tuyến giáp
- (3) Hoocmon sinh trưởng được tuyến yên tiết ra kích thích phân chia tế bào và tăng kích thước tế bào
- (4) O'rogen và Testosteron là 2 hoocmon do tuyến sinh dục tiết ra

- A. 3 B. 2 C. 4 D. 1

Câu 7: Chọn 1 cây mít có chiều cao 2m, đóng 1 cái đinh đóng vào thân cây ở vị trí xác định so với gốc sát mặt đất là 30cm. Giả sử trong điều kiện thích hợp, mỗi năm cây tăng trưởng về chiều cao trung bình 40cm. Sau 5 năm khoảng cách của đinh bị đóng so với gốc sát mặt đất khoảng

- A. 230cm B. 200cm C. 150cm D. 30 cm

Câu 8: Hoocmon ra hoa được hình thành ở lá là

- A. florigen B. phototropin C. auxin D. xitokinin

Câu 9: Con người làm bù nhìn ở các ruộng lúa để đuổi chim ăn lúa. Cơ sở khoa học của biện pháp trên là dựa vào hiểu biết về dạng tập tính nào của chim ?

- A. Tập tính sinh sản B. Tập tính tự vệ C. Tập tính xã hội D. Tập tính săn mồi

Câu 10: Tập tính nào sau đây vừa là tập tính bẩm sinh, vừa là tập tính học được ?

- A. Khi thời tiết thay đổi hoặc nguồn thức ăn khan hiếm, một số loài chim có hiện tượng di cư theo mùa
- B. Đến thời kỳ sinh sản, tò vò xây tổ, tìm mồi bỏ vào tổ rồi đẻ trứng vào đó và bịt kín tổ lại
- C. Đến mùa sinh sản, chim công đực thường khoe mẽ bộ lông sặc sỡ của mình để quyến rũ chim công cái
- D. Trong mùa sinh sản, quần thể ong có hiện tượng bay giao hoan

Câu 11: Các kiểu phát triển ở động vật bao gồm:

- A. Phát triển qua biến thái hoàn toàn và không qua biến thái

- B. Phát triển qua biến thái và không qua biến thái hoàn toàn
- C. Phát triển qua biến thái hoàn toàn và phát triển qua biến thái không hoàn toàn
- D. Phát triển qua biến thái và phát triển không qua biến thái

Câu 12: Mô phân sinh là

- A. một nhóm tế bào thực vật chưa phân hóa, duy trì khả năng phân chia trong suốt đời sống của cây
- B. một nhóm tế bào thực vật đã phân hóa, duy trì khả năng phân chia trong suốt đời sống của cây
- C. một nhóm tế bào thực vật đã phân hóa, duy trì khả năng phân chia trong một giai đoạn nào đó của cây
- D. một nhóm tế bào thực vật chưa phân hóa, duy trì khả năng phân chia trong một giai đoạn nào đó của cây

Câu 13: Páp Lốp làm thí nghiệm - vừa đánh chuông, vừa cho chó ăn giúp chó học tập kiểu

- A. điều kiện hóa hành động
- B. học ngầm
- C. điều kiện hoá đáp ứng
- D. học khôn

Câu 14: Đặc điểm **không** có ở sinh trưởng sơ cấp là

- A. diễn ra cả ở cây Một lá mầm và cây Hai lá mầm
- B. diễn ra hoạt động của mô phân sinh đỉnh
- C. diễn ra hoạt động của tầng sinh bản
- D. làm tăng kích thước chiều dài của cây

Câu 15: Đặc tính nào quan trọng nhất để nhận biết con đàu đàn?

- A. Tính lãnh thổ
- B. Tính hung dữ
- C. Tính thân thiện
- D. Tính quen nhờn

Câu 16: Cho các hoocmôn sau

(1) Auxin (2) Êtilen (3) Gibêrelin (4) Xitôkinin (5) Axit abxixic

Hoocmôn thuộc nhóm kích thích sinh trưởng là

- A. (1), (3) và (4)
- B. (1), (2) và (3)
- C. (2), (4) và (5)
- D. (1), (4) và (5)

Câu 17: Trong một cung phản xạ, xung thần kinh chỉ truyền theo một chiều từ cơ quan thụ cảm đến cơ quan đáp ứng vì

- A. chất trung gian hóa học bị phân giải sau khi đến màng sau xináp
- B. khe xináp ngăn cản sự truyền tin ngược chiều
- C. sự chuyển giao xung thần kinh qua xináp nhờ chất trung gian hóa học chỉ theo một chiều
- D. các thụ thể ở màng sau xináp chỉ tiếp nhận các chất trung gian hóa học theo một chiều

Câu 18: Tại sao khi sử dụng thuốc có chất atropin thì sẽ có khả năng giảm đau cho người bệnh?

- A. Vì atropin ngăn cản không mở kênh ion Ca^{2+} ở chùy xináp
- B. Vì atropin làm cho chất trung gian hóa học không giải phóng vào khe nên xung thần kinh không lan truyền
- C. Vì atropin làm cho bóng chứa chất trung gian hóa học không gắn vào màng trước nên không lan truyền xung thần kinh
- D. Vì atropin có khả năng phong bế màng sau của xináp làm mất khả năng tác động của axetyl colin

Câu 19: Bắn pháo hoa vào ban đêm ở vườn mía (Cu ba) vào mùa đông vì

- A. cây mía là cây ngắn ngày, nên bắn pháo hoa vào mùa đông để chia đêm dài thành hai đêm ngắn giúp mía ra hoa
- B. cây mía là cây ngày ngắn, nên bắn pháo hoa vào mùa đông để chia đêm dài thành hai đêm ngắn giúp mía không ra hoa
- C. cây mía là cây ngày dài, nên bắn pháo hoa vào mùa đông để chia đêm dài thành hai đêm ngắn giúp mía ra hoa
- D. cây mía là cây dài ngày, nên bắn pháo hoa vào mùa đông để chia đêm dài thành hai đêm ngắn giúp mía không ra hoa

Câu 20: Tập tính bẩm sinh là những tập tính

- A. được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho cá thể hoặc đặc trưng cho loài
- B. học được trong đời sống, không có tính di truyền, mang tính cá thể
- C. sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài
- D. sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho cá thể

Câu 21: Tập tính ở động vật được chia thành các loại sau

- A. bẩm sinh, học được
- B. học được, hỗn hợp

- A. Tính quyết định của nhân tố di truyền
- B. Ảnh hưởng của yếu tố hoocmôn
- C. Sự phụ thuộc của sinh trưởng phát triển vào độ tuổi
- D. Sự khác biệt về giới tính.

Câu 29: Điện thế nghỉ là sự chênh lệch điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào

- A. bị kích thích, phía trong màng mang điện dương và phía ngoài màng mang điện âm
- B. không bị kích thích, màng trong mang điện âm và màng ngoài mang điện dương
- C. không bị kích thích, phía trong màng mang điện âm và phía ngoài màng mang điện dương
- D. bị kích thích, màng trong mang điện âm và màng ngoài mang điện dương

Câu 30: Cho các loài sau:

- (1) Ong (2) Gà (3) Thỏ (4) Bọ ngựa (5) Cào Cào (6) Ruồi (7) Muỗi
(8)Ếch

Số loài có kiểu phát triển qua biến thái hoàn toàn là

- A. 4
- B. 5
- C. 3
- D. 6